

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021
HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

Di Linh, năm 2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021
HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

Ngày ...tháng năm 202

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ngày ...tháng 12 năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021
HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

Tên đơn vị: **Công ty cổ phần Quy hoạch và Thiết kế xây dựng miền Trung.**



Địa chỉ: Lô STH20.02 đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, phường Phước Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Văn phòng: Lô STH28.08 đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, phường Phước Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.650.1888; 0935.04.2628

Website: <http://www.quyhoachmientrung.com/>

Email: quyhoachmientrung@gmail.com

Tham gia thực hiện dự án:

- Chỉ đạo chuyên môn: Ths. Võ Anh Tài
- Chủ nhiệm dự án: Ths. Lê Xuân Hoà
- Tham gia điều tra, tổng hợp:
 - + Th.s Vũ Thành Quynh
 - + Ks. Dương Đình Chính
 - + Ths. Nguyễn Minh Nhựt
 - + Ths. Nguyễn Thị Huyền
 - + Ks. Phan Xuân Chương
 - + Ks. Tống Duy Khánh
- Kỹ thuật bản đồ:
 - + Ths. Trần Đức Hoàn
 - + Ks. Nguyễn Viết Đương

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
ĐẶT VẤN ĐỀ	1
I. Sự cần thiết lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm	1
II. Căn cứ, nội dung lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Di Linh	2
III. Những căn cứ pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021	3
3.1. Căn cứ pháp lý	3
3.2. Các tài liệu phục vụ lập kế hoạch sử dụng đất	4
IV. Các phương pháp thực hiện	5
4.1. Nhóm phương pháp thu thập số liệu	5
4.2. Phương pháp xử lý số liệu, bản đồ	5
4.3. Phương pháp thống kê, so sánh và phân tích	5
4.4. Phương pháp minh họa trên bản đồ	6
V. Tổ chức thực hiện	6
VI. Các sản phẩm của dự án	6
VII. Bố cục của báo cáo	6
PHẦN I KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI	7
1.1. Điều kiện tự nhiên	7
1.1.1. Vị trí địa lý	7
1.1.2. Địa hình	7
1.1.3. Khí hậu	8
1.1.4. Thủy văn	8
1.1.5. Các nguồn tài nguyên	8
1.2. Khái quát về điều kiện kinh tế, xã hội	9
1.2.1. Các chỉ tiêu kinh tế chung toàn huyện	9
1.2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế	9
1.2.3. Dân số, lao động	12
1.2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn	12
1.2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng	13
1.3. Tình hình quản lý đất đai	16
1.3.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 và biến động sử dụng đất	16
1.3.2. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	21
1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường	21
1.4.1. Các lợi thế	21
1.4.2. Những hạn chế	22
PHẦN II ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SDĐ NĂM 2020	23
2.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020	23

2.1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất	23
2.1.2. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất.....	33
2.1.3. Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2020	33
2.1.4. Kết quả thực hiện khai thác đất chưa sử dụng vào mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp năm 2020.....	34
2.2. Đánh giá những công trình, dự án đã phê duyệt nhưng quá 3 năm chưa thực hiện.....	34
2.3. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020	35
2.4. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sdd năm 2020	36
2.5. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 so với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	36
PHẦN III LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021	41
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ	41
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	41
3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất	41
3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.....	42
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	42
3.3.1. Đất nông nghiệp.....	44
3.3.2. Đất phi nông nghiệp	46
3.3.3. Đất chưa sử dụng	59
3.3.4. Đất đô thị	59
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích năm 2021	59
3.5. Diện tích đất cần thu hồi đất năm 2021	60
3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	61
3.6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2021	61
3.7. Dự kiến các khoản thu, chi liên trong năm kế hoạch sử dụng đất 2021	61
PHẦN IV GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	64
4.1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	64
4.2. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	64
4.2.1. Các giải pháp về quản lý hành chính, chính sách.....	65
4.2.2. Giải pháp về tuyên truyền	65
4.2.3. Các giải pháp về kinh tế	65
4.2.4. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư	65
4.2.5. Giải pháp về khoa học, công nghệ.....	66
4.2.6. Giải pháp về tổ chức thực hiện	66
PHẦN V KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	68
1. KẾT LUẬN	68
2. KIẾN NGHỊ.....	68

DANH MỤC BẢNG BIỂU

<i>Biểu 1. Tổng hợp quy mô và cơ cấu đất của các nhóm đất huyện Di Linh</i>	<i>8</i>
<i>Biểu 2. Hiện trạng đất đai năm 2020 và biến động năm 2019 đến năm 2020</i>	<i>17</i>
<i>Biểu 3. Kết quả thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch 2020</i>	<i>24</i>
<i>Biểu 4. Danh mục công trình, dự án năm kế hoạch 2020 đã thực hiện.....</i>	<i>24</i>
<i>Biểu 5. Danh mục công trình, dự án năm kế hoạch 2020 chưa thực hiện không đưa vào thực hiện (loại bỏ) trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021</i>	<i>26</i>
<i>Biểu 6. Công trình dự án đã thực hiện thu hồi đất theo Nghị Quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.....</i>	<i>29</i>
<i>Biểu 7. Kết quả thực hiện công trình, dự án theo của Hội đồng nhân dân tỉnh về chuyển mục đích</i>	<i>30</i>
<i>Biểu 8. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2020.....</i>	<i>31</i>
<i>Biểu 9. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020.....</i>	<i>33</i>
<i>Biểu 10. Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2020.....</i>	<i>33</i>
<i>Biểu 11. Kết quả thực hiện khai thác đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2020</i>	<i>34</i>
<i>Biểu 12. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân năm 2021</i>	<i>42</i>
<i>Biểu 13. Kế hoạch sử dụng các loại đất năm 2021.....</i>	<i>43</i>
<i>Biểu 14. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021</i>	<i>60</i>
<i>Biểu 15. Kế hoạch thu thu hồi đất năm 2021</i>	<i>60</i>
<i>Biểu 16. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2021</i>	<i>61</i>
<i>Biểu 17. Dự kiến các khoản thu chi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021.</i>	<i>63</i>

ĐẶT VẤN ĐỀ

I. Sự cần thiết lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm

Luật Đất đai năm 2013 và Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch quy định: Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là 1 trong 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai (Điều 22). Việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai 2013 (*Khoản 3,4 Điều 40*), Nghị định số 43 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013 và hướng dẫn tại Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trên địa bàn huyện có liên quan đến sử dụng đất.

Theo các quy định trên, hàng năm UBND cấp huyện phải lập kế hoạch sử dụng đất trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi sử dụng đất (*theo Điều 62 Luật Đất đai năm 2013*) và chuyển mục đích sử dụng đất lúa (dưới 10 ha), đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (dưới 20 ha) và trình UBND tỉnh phê duyệt để làm căn cứ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cho chuyển mục đích sử dụng đất.

Huyện Di Linh nằm về phía Nam tỉnh Lâm Đồng nằm trên Quốc lộ 20, tuyến từ Đà Lạt đi thành phố Hồ Chí Minh và Quốc lộ 28 nối từ Phan Thiết (Bình Thuận) tới Đắk Nông, thuộc phía Nam của dãy Trường Sơn, cực Nam Trung Bộ, trải dài từ 108°12'54" đến 108°34'52" Kinh độ Đông và từ 11°30'22" đến 11°53'13" Vĩ độ Bắc, cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 223 km và cách Đà Lạt 80 km. Tổng diện tích tự nhiên là 1.614,18 km², dân số năm 2018 có 161.781 người. Toàn huyện có 19 đơn vị hành chính (1 thị trấn và 18 xã); mật độ dân số là 100 người/km².

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch: *“Các quy hoạch theo quy định tại Luật Quy hoạch và các luật, pháp lệnh đã được sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến quy hoạch có thể lập đồng thời. Quy hoạch nào được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước. Sau khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn”*.

Khoản 1 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (đã sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013): *“9. Khi kết thúc thời kỳ quy hoạch sử dụng đất mà các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất chưa thực hiện hết thì vẫn được tiếp tục thực hiện đến khi quy hoạch sử dụng đất thời kỳ tiếp theo được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt”*.

Theo quy định thì kế hoạch sử dụng đất năm 2021 phải được lập trên cơ sở được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, căn cứ quy hoạch của huyện thời kỳ 2021-2030. Tuy nhiên, đến nay quy hoạch tỉnh Lâm Đồng chưa triển khai lập nên chưa có cơ sở để xây dựng kế hoạch 5 năm cấp tỉnh.

Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Luật số 35/2018/QH14 thì hàng năm huyện phải lập kế hoạch sử dụng đất trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh (danh mục các công trình dự án thu hồi đất; chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ) và trình UBND tỉnh phê duyệt, sau đó tổ chức công bố công khai kế hoạch sử dụng đất. Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, những công trình, dự án không có trong kế hoạch sử dụng đất được duyệt thì không được phép thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cho chuyển mục đích sử dụng đất. Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, văn bản của Sở tài nguyên và Môi trường, huyện tổ chức lập kế hoạch sử dụng đất theo đúng thời gian quy định trên cơ sở chỉ tiêu của Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Di Linh đến năm 2020 được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt tại Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 kết hợp bổ sung các công trình dự án cấp bách phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai 2020-2025.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018, UBND huyện Di Linh đã giao nhiệm vụ cho Phòng Tài nguyên & Môi trường tổ chức thực hiện ***lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng*** để đảm bảo tính thống nhất về quản lý Nhà nước về đất đai, làm căn cứ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cho chuyển mục đích sử dụng đất, góp phần quan trọng trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

II. Căn cứ, nội dung lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Di Linh

*** Căn cứ lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện bao gồm:**

- a) Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;
- b) Quy hoạch sử dụng đất của huyện;
- c) Nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch của các ngành, lĩnh vực, của các cấp;
- d) Khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

*** Nội dung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện bao gồm (theo Khoản 4 Điều 40 của Luật Đất đai):**

a) Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước (năm 2020).

b) Xác định diện tích các loại đất đã được phân bổ trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất của huyện, cấp xã trong năm kế hoạch 2021.

c) Xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch 2021 đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn thì phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận (nếu

có) để đầu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.

d) Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đối với các loại đất phải xin phép quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch 2021 đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

e) Lập bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện.

f) Giải pháp thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

III. Những căn cứ pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021

3.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013.

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Nghị quyết số 67/NQ-CP ngày 25/5/2018 của Chính phủ về Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và KHSD đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Lâm Đồng.

- Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Văn bản số 313/HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc bổ sung danh mục thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện một số công trình, dự án phát sinh trên địa bàn tỉnh;

- Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng khóa IX, kỳ họp thứ 6 về việc thông qua danh mục cần thu hồi đất và các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong năm 2019.

- Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng khóa IX, kỳ họp thứ 11 về việc thông qua danh mục cần thu hồi đất và các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong năm 2020.

- Nghị quyết số 175/NQ-HĐND ngày 27/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng khóa IX, kỳ họp thứ 13 về việc thông qua danh mục bổ sung dự án cần thu hồi đất và dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong năm 2020.

- Nghị quyết số 195/NQ-HĐND ngày 28/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng khóa IX, kỳ họp thứ 15 về việc thông qua danh mục bổ sung dự án cần thu hồi đất và dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong năm 2020.

- Nghị quyết số 218/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Lâm Đồng khóa IX, kỳ họp thứ 17 về việc thông qua danh mục cần thu hồi đất và các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong năm 2021.

- Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 17/1/2018 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện Di Linh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Quyết định số 2066/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2019 các huyện Di Linh, Đam Rông, Cát Tiên, Đức Trọng và thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Quyết định số 1895/QĐ-UBND ngày 01/9/2020, Quyết định số 1971/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 một số huyện, thành phố thuộc tỉnh.

- Văn bản số 1458/UBND-ĐC ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng về triển khai thực hiện dự án Lập quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 cấp huyện.

- Văn bản số 483/STNMT-PQLĐĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng về việc triển khai lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện.

- Văn bản số 1285/STNMT-PQLĐĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng về việc lập danh mục công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện.

- Văn bản số 687/UBND ngày 01/4/2020 của UBND huyện Di Linh về việc giao nhiệm vụ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Di Linh.

Và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

3.2. Các tài liệu phục vụ lập kế hoạch sử dụng đất

- Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Điều chỉnh quy hoạch Quy hoạch sử dụng đất huyện Di Linh đến năm 2020 và KHSD năm 2016 huyện Di Linh.

- Tài liệu Quy hoạch chung xây dựng trên địa bàn thị trấn Di Linh, xã Hòa Ninh, các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng các khu đô thị, khu

dân cư trên địa bàn huyện, quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã trên địa bàn huyện,...

- Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2017-2025 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2018, 2019, 2020 của huyện Di Linh.

- Kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn huyện năm 2021.

- Kết quả kiểm kê đất đai năm 2019, số liệu thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020.

- Niên giám thống kê huyện Di Linh năm 2019.

- Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện Di Linh nhiệm kỳ 2020-2025.

- Văn bản đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2021 của các sở ban ngành của tỉnh trên địa bàn huyện Di Linh.

- Văn bản đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2021 của các ngành, lĩnh vực, của các cấp trên địa bàn huyện.

IV. Các phương pháp thực hiện

Áp dụng một số phương pháp sau trong việc thực hiện dự án.

4.1. Nhóm phương pháp thu thập số liệu

a. Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa: Đây là phương pháp được dùng để điều tra, thu thập số liệu, tài liệu, bản đồ, thông tin về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước; thu thập tình hình thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất theo phương án quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt. Khảo sát thực địa tại cấp xã, thị trấn để xác định khoanh vẽ lên bản đồ địa chính vị trí, ranh giới, hiện trạng sử dụng đất của các thửa đất sẽ chuyển mục đích sử dụng để thực hiện các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2021.

b. Phương pháp kế thừa, chọn lọc tài liệu đã có

Trên cơ sở các tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập được tiến hành phân loại, chọn lọc, kế thừa các tài liệu đã được phê duyệt và các công trình, dự án đang triển khai năm 2018, 2019 chưa xong và thực hiện tiếp năm 2020; các công trình, dự án mới sẽ triển khai năm 2020.

4.2. Phương pháp xử lý số liệu, bản đồ

Các số liệu thu thập được phân tích, xử lý bằng phần mềm Excel. Các số liệu được tính toán, phân tích theo các bảng, biểu kết hợp với phần thuyết minh. Bản đồ được xây dựng bằng sử dụng phần mềm như Microstation, MapInfor,...

4.3. Phương pháp thống kê, so sánh và phân tích

Trên cơ sở các số liệu, tài liệu thu thập được, tiến hành phân nhóm, thống kê diện tích các công trình, dự án đã thực hiện theo kế hoạch; chưa thực hiện, hoặc đang thực hiện dở dang; tổng hợp, so sánh và phân tích các yếu tố tác động đến việc thực

hiện phương án QH, KHSD đất. So sánh các chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện năm trước (năm 2019) với chỉ tiêu phương án QH, KHSD đất đã được phê duyệt.

4.4. Phương pháp minh họa trên bản đồ

Đây là phương pháp đặc thù của công tác lập kế hoạch sử dụng đất. Các loại đất chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch 2021 được thể hiện trên bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện, tỷ lệ 1/25.000 thể hiện cụ thể các yếu tố về vị trí phân bố, ranh giới sử dụng đất, diện tích, hiện trạng sử dụng đất,... Phương pháp minh họa bằng bản đồ có sử dụng các phần mềm chuyên dụng làm bản đồ (như Microstation, Mapinfor,...).

V. Tổ chức thực hiện

- Chủ dự án: UBND huyện Di Linh.
- Đại diện chủ dự án: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Di Linh.
- Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Quy hoạch và Thiết kế Xây dựng miền Trung
- Cơ quan thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

VI. Các sản phẩm của dự án

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2021, kèm theo các bảng biểu, phụ biểu tính toán, bản đồ thu nhỏ.
- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 toàn huyện, tỷ lệ 1/25.000.
- Đĩa CD copy báo cáo thuyết minh, bảng biểu và bản đồ KHSD đất đã số hóa.

(Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, các sản phẩm của dự án được lưu tại: UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường)

VII. Bộ cục của báo cáo

- Đặt vấn đề.
- Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.
- Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020.
- Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021.
- Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất
- Kết luận và kiến nghị.

PHẦN I

KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Di Linh nằm về phía Nam tỉnh Lâm Đồng, có diện tích tự nhiên 161.315,54 ha, bao gồm 18 xã và 1 thị trấn, trải dài từ:

- Từ $108^{\circ}12'54''$ đến $108^{\circ}34'52''$ Kinh độ Đông
- từ $11^{\circ}30'22''$ đến $11^{\circ}53'13''$ Vĩ độ Bắc.

Các mặt tiếp giáp như sau:

- *Phía Bắc:* Giáp huyện Lâm Hà và tỉnh Đắk Nông
- *Phía Nam:* Giáp tỉnh Bình Thuận
- *Phía Đông:* Giáp huyện Đức Trọng
- *Phía Tây:* Giáp huyện Bảo Lâm.

Nằm ngay trên trục Quốc lộ 20 từ Đà Lạt đi thành phố Hồ Chí Minh; trục Quốc lộ 28 đi thành phố Phan Thiết và tỉnh Đắk Nông, Di Linh còn có một điểm khá đặc biệt, đây là trung tâm của cao nguyên Di Linh nổi tiếng và tỉnh Đồng Nai Thượng trước kia. Huyện Di Linh nằm ở trung tâm tỉnh Lâm Đồng, nếu xét về mặt khoảng cách Đông - Tây, Nam - Bắc. Với vị trí rất đặc biệt, Di Linh có lợi thế trong giao lưu kinh tế và hội đủ điều kiện phát triển thành điểm phân phối, lưu thông hàng hoá, liên kết kinh tế giữa các vùng Phan Thiết - Di Linh - Đắk Nông; TP HCM - Di Linh - Đà Lạt.

1.1.2. Địa hình

Huyện Di Linh ở phía Nam của cao nguyên Di Linh, thuộc bậc thềm thứ 2 (Tỉnh Lâm Đồng có 3 bậc thềm), cao độ tuyệt đối lớn nhất 1.888,61m là đỉnh núi nằm giữa ranh giới 2 xã Bảo Thuận và Tam Bồ, thấp nhất khoảng 525m ven sông Đa Dâng phía Tây Bắc xã Đinh Trang Thượng, giáp với huyện Bảo Lâm và tỉnh Đắk Nông. Huyện Di Linh có nhiều dạng địa hình khác nhau, nhưng chủ yếu có ba dạng địa hình:

- *Dạng địa hình núi cao:* Tập trung chủ yếu phía Nam và Tây Nam huyện, hiện nay còn rừng tự nhiên che phủ, cao độ tuyệt đối trung bình khoảng 1.100m, độ dốc lớn trên 20° , mức độ chia cắt rất mạnh; Vùng này chủ yếu là phát triển lâm nghiệp với chức năng phòng hộ và bảo vệ môi trường.

- *Dạng địa hình trung bình:* Tập trung chủ yếu dọc theo các tuyến đường giao thông, đặc biệt theo tuyến Quốc lộ 20 và Quốc lộ 28 (từ thị trấn Di Linh đi xã Đinh Trang Thượng). Cao độ tuyệt đối khoảng 850m, độ dốc thấp, tương đối bằng phẳng.

- *Dạng địa hình thấp trung bình:* Có ven các con sông, suối lớn như sông Đa Dâng, cao độ tuyệt đối trung bình khoảng 650m độ dốc dưới 8° , hầu hết diện tích thuộc dạng địa hình này là các loại đất phù sa và đất nâu thẫm trên đá bazan.

1.1.3. Khí hậu

Di Linh nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, với các đặc điểm như sau:

Khí hậu ôn hòa, nhiệt độ trung bình khoảng 22,2°C, số giờ nắng khoảng 1.800-2.200 giờ, độ ẩm: 80 - 85%, hầu như không có bão và sương muối. Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 3 năm sau, lượng mưa trung bình hàng năm 2.500-3.000mm.

Khí hậu rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là cây công nghiệp dài ngày như cà phê, chè,...

Nắng ít, ẩm độ không khí cao, nhiều ngày có sương mù, cường độ mưa lớn và tập trung nên dễ gây xói mòn đất là những hạn chế trong đặc điểm khí hậu của vùng, cần phải được đặc biệt chú ý trong quá trình bố trí sử dụng đất và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật phù hợp.

1.1.4. Thủy văn

Trên địa bàn huyện Di Linh có sông Đa Dâng ở phía Bắc, là ranh giới tự nhiên với tỉnh Đắk Nông và huyện Lâm Hà và rất nhiều suối lớn nhỏ khác nhau. Ngoài ra, huyện còn có các hồ nước lớn như: hồ Đồng Nai 2, 3, hồ Thanh Bạch - Đình Lạc, hồ tái định canh ở xã Đình Trang Thượng,... Ngoài ra, còn một số hồ chứa nước nhỏ nằm rải rác ở các xã như: hồ Đông Di Linh, hồ Tây Di Linh, hồ 1019,... đã góp phần giải quyết nước tưới cho cây trồng trong mùa khô.

1.1.5. Các nguồn tài nguyên

a. Tài nguyên đất

Theo kết quả Điều tra, bổ sung bản đồ đất tỉnh Lâm Đồng tỷ lệ 1/100.000 (Viện Quy hoạch & TKNN thực hiện năm 2006), huyện Di Linh có những nhóm đất sau:

Biểu 1. Tổng hợp quy mô và cơ cấu đất của các nhóm đất huyện Di Linh

STT	Nhóm đất	Ký hiệu	Di Linh	
			(ha)	(%)
1	Nhóm đất phù sa	P	157	0,10
2	Nhóm đất đen	R	3.028	1,88
3	Nhóm đất đỏ vàng	F	148.986	92,36
	<i>Tr.đỏ: - Đất nâu đỏ trên đá bazan</i>	<i>Fk</i>	14.888	9,23
	<i>- Đất nâu vàng trên đá bazan</i>	<i>Fu</i>	30.195	18,72
4	Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi	H	1.072	0,66
5	Nhóm đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ	D	5.551	3,44
6	Đất sông suối, ao hồ	SS	2.522	1,56
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		161.316	100

b. Tài nguyên nước

Trong những năm gần đây tình hình hạn hán thường xuyên xảy ra đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài nguyên nước của huyện Di Linh. Khu vực huyện Di Linh diện tích bị hạn phổ biến hàng năm khoảng 1.000-1.500ha, chiếm 40% diện tích bị hạn toàn tỉnh Lâm Đồng. Do hạn hán nên mực nước các hồ chứa đều thấp, không đủ nước để điều tiết tưới tiêu cho sản xuất.

c. Tài nguyên rừng

Theo số liệu kiểm kê đất đai năm 2019, tổng diện tích đất lâm nghiệp huyện Di Linh có 83.254,65 ha (rừng phòng hộ có diện tích 11.699,22 ha và rừng sản xuất 71.555,42 ha), độ che phủ rừng năm 2019 đạt 51,6 %.

Phân theo trữ lượng, rừng giàu có diện tích 978,13 ha, chiếm 1,2% diện tích có rừng với trữ lượng 247.313,7 m³; rừng trung bình có diện tích 14.319,73 ha, chiếm 17,66% diện tích có rừng với trữ lượng 2.233.081,1 m³; rừng nghèo có diện tích 21.295,13 ha, chiếm 26,26% diện tích có rừng với trữ lượng 1.606.968,5 m³; rừng nghèo kiệt có diện tích 2.704,05 ha, chiếm 3,3% diện tích có rừng với trữ lượng 105.443,6 m³; rừng tre nứa có diện tích 3.301,76 ha, trữ lượng 126,5 triệu cây.

Phân theo loài cây, rừng gỗ lá rộng có diện tích 28.693,13 ha, chiếm 35,38% diện tích có rừng, rừng gỗ lá kim có diện tích 5.155,42 ha, chiếm 6,36% diện tích có rừng, rừng gỗ hỗn giao lá rộng và lá kim có diện tích 5.448,49 ha, chiếm 6,72% diện tích có rừng, rừng gỗ tre nứa có diện tích 3.301,76 ha, chiếm 4,07% diện tích có rừng.

d. Tài nguyên nhân văn du lịch

Di Linh có nguồn tài nguyên nhân văn khá đa dạng, là nơi hội tụ của nhiều nền văn hóa lâu đời của cộng đồng các dân tộc với nhiều lễ hội truyền thống, nhiều ngành nghề thủ công truyền thống. Những ưu thế về khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái rừng tạo cảnh quan thiên nhiên đẹp và thơ mộng là điều kiện lý tưởng cho phát triển du lịch như: thác Bobla, Liliang, thác Tul, hồ Ka La, núi Brai Yang ...

1.2. Khái quát về điều kiện kinh tế, xã hội**1.2.1. Các chỉ tiêu kinh tế chung toàn huyện**

Trong những năm qua kinh tế của huyện tiếp tục phát triển khá toàn diện, tăng trưởng kinh tế một số ngành đạt khá cao, kết cấu hạ tầng từng bước hoàn thiện, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Giá trị sản xuất các ngành năm sau cao hơn năm trước.

- Tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất ngành chủ yếu (giá so sánh 2010): ngành nông lâm thủy tăng 5,7% (kế hoạch 4,6%); ngành công nghiệp tăng 9,48% (kế hoạch 6,2%) ngành xây dựng 11,5% (kế hoạch 7,3%); ngành thương mại-dịch vụ tăng 10,5%.

- Thu nhập bình quân đầu người 38 triệu đồng (kế hoạch 42 triệu đồng).

- Tổng thu NSNN trên địa bàn 353,72 tỷ đồng (kế hoạch 312,930 tỷ đồng), bằng 112,2% so với kế hoạch.

Về cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch đúng hướng: Tăng dần tỷ trọng công nghiệp–XD và dịch vụ và giảm dần tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp trong cơ cấu nền kinh tế của huyện.

1.2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế**1.2.2.1. Khu vực kinh tế Nông nghiệp**

Tổng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản (theo giá so sánh 2010) đạt 4.263 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch;

* Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng toàn huyện là 56.183,5 ha, đạt 102,48% kế hoạch, tăng 1,3% so với cùng kỳ. Trong đó diện tích cây lâu năm là 50.294,2 ha đạt 103,9% kế hoạch, tăng 2,6% so với cùng kỳ, diện tích cây cà phê là 44.432 ha, chiếm 88,34% diện tích cây lâu năm toàn huyện, trong năm toàn huyện đã tái canh được 2.457 ha đạt 102% kế hoạch, diện tích cho sản phẩm là 42.937 ha, năng suất ước đạt 31 tạ/ha, sản lượng đạt 128.811 tấn tăng 5,7% so với cùng kỳ; diện tích chè là 516,9 ha đã thực hiện chuyển đổi 100% sang giống chè mới chất lượng cao, diện tích cho sản phẩm 502,9ha, năng suất được 90 tạ/ha, sản lượng được 4.632 tấn; diện tích các cây ăn trái tăng mạnh.

Công tác rà soát chuyển đổi diện tích đất trồng lúa một vụ sang trồng ngô và các cây trồng khác được thực hiện có hiệu quả đã giúp tăng vòng quay và hệ số sử dụng đất góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập cho bà con nông dân.

Các mô hình sản xuất nông nghiệp có giá trị kinh tế cao như: bơ, sầu riêng, mắc ca và một số mô hình trồng rau, trồng hoa ứng dụng công nghệ cao như: Vũ nữ, Hồ điệp, Hồng môn, lan rừng Di Linh,...được triển khai nhân rộng.

* Chăn nuôi: Đã có bước chuyển biến tích cực, chuyển dần từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại tập trung; trong đó Đề án về phát triển chăn nuôi bò thịt cao sản, đề án phát triển chăn nuôi bò sữa đến năm 2020 được xem là những giải pháp mới để phát triển kinh tế hộ gia đình.

Toàn huyện hiện có trên 40 mô hình chăn nuôi bò thịt cao sản mang lại hiệu quả cao với quy mô từ 10 con trở lên; tổng đàn bò thịt đạt 7.035 con; đàn bò sữa đạt 461 con. Đặc biệt, từ ngày 01/01/2018 Trạm thu mua sữa của Công ty Vinamilk đặt tại địa bàn xã Đình Lạc đã chính thức đi vào hoạt động với công suất thiết kế tiêu thụ 20 tấn sữa/ngày; giải quyết hoàn toàn đầu ra cho người dân nuôi bò sữa trên địa bàn huyện một cách ổn định, tạo tâm lý phấn khởi cho người chăn nuôi bò sữa trên địa bàn huyện.

Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có 32 trang trại chăn nuôi gia cầm có quy mô lớn, chủ yếu là chăn nuôi gà, chim cút đẻ trứng; một số mô hình chăn nuôi heo đồng bào, heo rừng lai, dê thương phẩm mang lại lợi nhuận cao cho người chăn nuôi. Hiện đàn heo có 28.179 con, đàn trâu 1.020 con, đàn gia cầm 684,8 ngàn con, đàn dê 6.060 con.

Tình hình kiểm soát giết mổ được duy trì thực hiện; công tác phòng, chống dịch bệnh trên vật nuôi được triển khai thường xuyên nên không xảy ra dịch bệnh trên địa bàn huyện.

* Phát triển kinh tế trang trại: Hiện nay toàn huyện có 280 trang trại sản xuất nông, lâm, chăn nuôi, thủy sản có giá trị kinh tế cao; duy trì thường xuyên 800 lao động; lao động thời vụ 1.000 lao động; thu nhập bình quân của lao động thường xuyên và thời vụ khoảng 4 triệu đồng/người/ tháng.

- Tình hình phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp: Toàn huyện có 781 mô hình sản xuất, trong lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi, tăng 378 mô hình so với năm 2017, trong đó: trồng trọt 520 mô hình, chăn nuôi 233 mô hình, 28 mô hình tưới tiết kiệm.

* Lâm nghiệp: Với sự quan tâm chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Huyện ủy, UBND huyện trong việc triển khai các giải pháp quản lý bảo vệ rừng, tổ chức kiểm tra rừng định kỳ hàng tháng theo Chỉ thị số 30-CT/TU ngày 26/3/2015 của Tỉnh ủy Lâm Đồng, Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, do đó công tác quản lý, bảo vệ rừng thời gian qua trên địa bàn đã có những chuyển biến rõ rệt thông qua thực hiện các biện pháp thường xuyên liên tục, tích cực như: tăng cường kiểm tra các khu vực trọng điểm, giao ban định kỳ với các huyện giáp ranh; tổ chức giải tỏa diện tích rừng bị lấn chiếm trái phép; kiểm tra, thống kê diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm trên địa bàn, trên cơ sở đó xây dựng phương án xử lý, thu hồi, quản lý diện tích này gắn với đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động Nhân dân tham gia quản lý bảo vệ rừng, không lấn chiếm đất rừng trái phép. Qua đó đã kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm luật bảo vệ và phát triển rừng, không xảy ra điểm nóng về chặt phá rừng, lấn chiếm đất rừng, cháy rừng.

Việc giao khoán quản lý bảo vệ rừng được duy trì trên diện tích 74.250,63 ha cho 2.370 hộ dân và 07 tập thể. UBND huyện đã triển khai thực hiện Đề án Phát triển rừng bằng phương pháp trồng xen cây lâm nghiệp trên diện tích 7.565 ha đất lâm nghiệp người dân trồng cây công nghiệp trên địa bàn huyện, công tác trồng cây phân tán được triển khai thực hiện tốt đã trồng được 9.699 cây trong đó có 4.000 cây vú sữa, 5.000 cây sim và các loại cây khác để đảm bảo độ che phủ rừng và tạo cảnh quan đô thị, nông thôn xanh, sạch, đẹp qua đó góp phần xây dựng hình ảnh đặc thù của huyện Di Linh sau này; hiện nay hầu hết các cây được trồng, chăm sóc đúng kỹ thuật. Tỷ lệ che phủ rừng hiện nay là 51,1%.

1.2.2.2. Khu vực kinh tế Công nghiệp, thương mại, dịch vụ

Sản xuất công nghiệp-TTCN trên địa bàn huyện nhìn chung được giữ ổn định không có sự biến động lớn. Giá trị sản xuất CN-TTCN năm 2019 (giá so sánh năm 2010) đạt 667,5 tỷ đồng, tăng 9,48% so cùng kỳ năm 2018.

Trong năm huyện tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp tập trung xây dựng hạ tầng cơ sở, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp địa phương. Đồng thời UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 13/9/2018 về thí điểm phát triển làng nghề trồng dâu nuôi tằm và đan lát các sản phẩm truyền thống của địa phương tại xã Gia Hiệp và Đình Lạc giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025.

Công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả được thực hiện tốt. Công tác quản lý giá cả thị trường được kiểm soát chặt chẽ. Hệ thống chợ nông thôn được chú trọng phát triển, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư

kinh doanh thương mại, dịch vụ, du lịch trên địa bàn huyện; các hoạt động thương mại, kêu gọi thu hút đầu tư được triển khai thực hiện tốt

Công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả và thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo cung cầu hàng hóa được triển khai thực hiện thường xuyên, nên không xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa hay tăng giá đột biến trong các dịp lễ, tết.

1.2.3. Dân số, lao động

*** Dân số:**

- Dân số năm 2019 là 159.994 người, mật độ trung bình 99 người/km². Dân cư của huyện phân bố không đồng đều giữa các đơn vị hành chính xã; tập trung cao nhất ở thị trấn Di Linh và thấp nhất là xã Sơn Điền. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên toàn huyện đạt 1,24%. Dân số thành thị có 25.080 người (chiếm 15,68% tổng dân số). Cơ cấu dân số phân theo giới tính nữ có 80.563 người (chiếm 50,35 % tổng dân số).

*** Lao động:**

- Lao động trong độ tuổi năm 2019 chiếm khoảng 62% dân số trong đó chủ yếu đang làm việc trong lĩnh vực nông lâm, thủy sản với khoảng 80% tổng số lao động.

Tổng số lao động được đào tạo trong năm 2019 đạt 1.300 người (đạt 37% so với kế hoạch).

- Năm 2018 tỷ lệ hộ nghèo chung toàn huyện giảm từ 6,14% (1921 hộ) cuối năm 2018 xuống còn 3,2% (tương ứng 1188 hộ), hộ nghèo là đồng bào DTTS giảm 2,57%, còn 8,08% (tương ứng 1180 hộ).

1.2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn

a. Thực trạng phát triển đô thị

Công tác chỉnh trang đô thị được chú trọng cả về quy hoạch và xây dựng kết cấu hạ tầng, đã góp phần đổi mới diện mạo thị trấn Di Linh. Huyện ủy đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về phát triển thị trấn Di Linh và xã Hòa Ninh. Đến nay thị trấn Di Linh đã được công nhận đô thị loại V, xã Hòa Ninh đã triển khai xong công tác lập quy hoạch đô thị loại V. Cố gắng hoàn thành và công nhận đô thị loại IV cho thị trấn Di Linh và đô thị loại V cho xã Hòa Ninh vào năm 2019.

Các khu dân cư mới thuộc địa bàn thị trấn Di Linh được quy hoạch và hạ tầng được chú trọng hơn, trong những năm qua đã hình thành nhiều khu quy hoạch mới như: Khu dân cư Thanh Danh, Phúc Kiến, Nguyễn Trãi, Hòa Ninh, Đình Trang Hòa,... Các công viên, hệ thống chiếu sáng và cây xanh được đầu tư tại khu vực trung tâm cùng với trục giao thông chính qua thị trấn được nâng cấp; sản xuất, dịch vụ có bước phát triển, đời sống vật chất và tinh thần được nâng lên đã tạo được cảnh quan xanh, sạch, đẹp và hướng đến thị trấn Di Linh đạt tiêu chí đô thị loại IV, hình thành thị trấn Hòa Ninh đáp ứng tiêu chí đô thị loại V vào những năm tiếp theo.

Hiện nay huyện tập trung xây dựng quy hoạch vùng huyện đến năm 2035 định hướng đến 2050; phê duyệt 13/17 đồ án quy hoạch phân khu trung tâm các xã trên địa bàn huyện;...

b. Thực trạng phát triển khu dân cư nông thôn

Toàn huyện có 18 xã thuộc địa bàn nông thôn chiếm khoảng 83,5% dân số toàn huyện, dân cư nông thôn phân bố không đều, tập trung với mật độ cao tại các khu trung tâm xã và ven các trục giao thông chính.

Tổng diện tích đất ở nông thôn chiếm 1,82% diện tích tự nhiên toàn huyện. Hiện nay, hầu hết các xã trên địa bàn huyện đã triển khai quy hoạch các khu dân cư trung tâm xã, các khu dân cư mới theo chương trình xây dựng nông thôn mới.

c. Triển khai thực hiện chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới

Đến hết năm 2019, toàn huyện Di Linh có 14/18 xã đạt chuẩn Nông thôn mới, còn 4 xã đạt từ 14-16 tiêu chí.

UBND huyện đã ra quyết định về việc giao chỉ tiêu kế hoạch xây dựng 12 thôn nông thôn mới kiểu mẫu thuộc 12 xã về đích nông thôn mới; giao chỉ tiêu kế hoạch đạt đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2019, đạt kiểu mẫu năm 2020 đối với xã Hòa Ninh; xã nông thôn mới nâng cao năm 2019 với xã Đinh Lạc;...

1.2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng**a. Giao thông**

Huyện Di Linh có Quốc lộ 20 và Quốc lộ 28 đi qua. Quốc lộ 20 chạy qua địa phận huyện Di Linh dài 41,5km, là trục xương sống của huyện chạy suốt từ Đông sang Tây, đi qua các vùng trọng điểm của huyện như thị trấn Di Linh, khu vực liên xã Hòa Ninh – Đinh Trang Hòa. Hiện nay Quốc lộ 20 đã được nâng cấp mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông và vận chuyển hàng hoá từ huyện đi các tỉnh, vùng khác.

Quốc lộ 28 là trục đường nối Quốc lộ 1 với Quốc lộ 14 đi qua địa phận tỉnh Lâm Đồng giao với Quốc lộ 20 tại thị trấn Di Linh, đoạn qua địa phận huyện Di Linh dài 92km.

Ngoài ra, huyện Di Linh còn có tỉnh lộ 725 và 726 đi qua, ĐT 725 qua huyện có chiều dài khoảng 9,5km, ĐT 726 đi qua huyện có chiều dài 10km, quy mô cấp IV miền núi.

Hệ thống đường huyện đã được nâng cấp 100% đến trung tâm các xã đảm bảo lưu thông thuận lợi. Hệ thống đường xã, nội thị trấn mới nhựa hoá được một số đoạn đường tại nơi tập trung đông dân cư các thôn của địa phương có kinh tế phát triển, các xã thuộc chương trình đầu tư của Nhà nước và đường nội thị trong các khu phố của thị trấn với số lượng rất ít. Còn lại các tuyến đường từ trung tâm xã, từ trục đường chính đến các thôn và các thôn với thôn chủ yếu là đường đất có một số ít mặt đường là cấp phối sỏi đồi. Bề rộng nền và mặt đường hệ thống đường xã nhỏ, hẹp từ 2,5-3,0m. Các công trình trên đường chủ yếu là công trình tạm hoặc chưa được đầu tư xây dựng. Do vậy một số tuyến đường xã chỉ lưu thông thuận tiện vào mùa khô, còn mùa mưa thì đi lại rất khó khăn.

b. Thủy lợi

Toàn huyện Di Linh có 52 công trình thủy lợi, bao gồm 37 hồ chứa nước và 15 đập dâng, các công trình thủy lợi đảm bảo tưới cho 12.342 ha. Hiện nay có một

số công trình do thời gian xây dựng từ lâu, đến nay đã xuống cấp, bồi lắng như: hồ 3/2, hồ 1019, ...

Bên cạnh đó, trên địa bàn huyện nhân dân đã tự đào ao hồ tích nước để tưới tiêu cho cây trồng được trên 6.118 ao hồ tưới tiêu cho 8.236 ha và nhân dân tận dụng sông suối có trên địa bàn để tưới tiêu cho 6.788 ha.

Các địa phương và các thành phần kinh tế đã chủ động huy động công lao động nạo vét kênh mương nội đồng; sửa chữa các hồ đập, đắp các đập tạm, đào các ao hồ nhỏ để phục vụ sản xuất, chống hạn cho cây trồng. Các công trình thủy lợi đều giao cho địa phương, đơn vị kinh tế quản lý để chủ động tưới tiêu, vận động nhân dân góp công sửa chữa để kịp thời phục vụ sản xuất. Các hồ đập, tuyến kênh mương thường xuyên được nâng cấp, cải tạo như: Hồ Đa Trê – xã Tân Lâm, Hồ liên hoàn 1 xã Gia Hiệp, đập Đa Nờ 1 xã Đinh Trang Hòa, Hồ chứa nước thôn Gia Bắc 1, Hồ liên hoàn 2 xã Gia Hiệp.

c. Công trình năng lượng

*** Lưới điện trung thế 22KV:**

- Trạm trung gian Di Linh có hai phát tuyến 22KV: 471 và 472.

+ Tuyến 471: Cung cấp điện cho phần phía Nam thị trấn Di Linh, các xã dọc theo quốc lộ 28 như Tân Châu, Tân Thượng, Đinh Trang Thượng, Gung Ré, Bảo Thuận, Sơn Điền, Gia Bắc và các xã dọc theo quốc lộ 20 như Liên Đàm, Đinh Trang Hoà, Hoà Trung, Hoà Bắc, Hoà Nam. Chiều dài toàn tuyến, kể cả nhánh rẽ, là 125,4km. Toàn tuyến đang vận hành tốt với tổng số trạm phân phối, tính đến tháng 3 năm 2005, là 139 trạm/tổng dung lượng 10.362,5kVa.

+ Tuyến 472: cung cấp cho khu vực phía Bắc thị trấn Di Linh và các xã phía Bắc của huyện như Đinh Lạc, Tân Nghĩa, Gia Hiệp và Tam Bó. Chiều dài toàn tuyến 19,8km, số trạm/dung lượng phân phối: 80/5.740 kVA.

- Tuyến 574: Trạm Trung Gian Bảo Lộc; Tuyến này thuộc tuyến Bảo Lộc nhưng cấp điện cho một phần xã Đinh Trang Hoà, với khoảng 4km đường dây 22 kVA, cấp điện cho 13 trạm/tổng dung lượng 675 kVA.

Chi nhánh điện Di Linh quản lý 253,4km đường dây trung thế, trong đó có 59km-1pha và 194,4km-3 pha và 236 trạm phân phối với tổng dung lượng là 22.639kVA.

Đường dây trung thế dùng cột bê tông ly tâm, dây dẫn loại nhôm lõi thép AC có tiết diện từ 50 đến 185mm². Phần lớn lưới điện mới được xây dựng sau năm 1990 và có nhiều đoạn mới được cải tạo, nên nhìn chung toàn bộ vẫn còn vận hành tốt.

*** Lưới hạ thế:**

Tổng chiều dài đường dây hạ thế trên địa bàn huyện do chi nhánh điện lực Di Linh quản lý là trên 302,5 km, trong đó có 114,2 km là đường dây 1 pha và 188,3 km đường dây 3 pha.

Lưới điện hạ thế có cấp điện áp 220/330V (ba pha) và 220V (một pha). Lưới hạ thế 3 pha chiếm 62,2% và ở nơi có mật độ dân cư cao. Bán kính cấp điện của lưới hạ thế nhiều nơi dài tới 3 km.

Tỷ lệ hộ dân dùng điện đến năm 2019 đạt trên 99 %.

d. Bưu chính viễn thông, phát thanh, truyền hình

Mạng lưới bưu chính, viễn thông được đầu tư ngày càng đồng bộ, bảo đảm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Toàn huyện có 100% xã, thị trấn được trang bị điện thoại; có 01 bưu cục trung tâm; các xã, thị trấn đều có bưu điện văn hoá xã. Thông tin liên lạc luôn thông suốt 24/24 giờ. Cụ thể:

- Mạng thông tin di động: với tất cả các nhà mạng đã phủ sóng rộng khắp địa bàn huyện.

- Mạng Internet: đã phát triển đến tất cả các xã, thị trấn.

- Phát thanh, truyền hình: hiện nay tất cả các xã, thị trấn đều được phủ sóng phát thanh, truyền hình.

e. Cơ sở văn hoá

Các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao được tập trung hướng vào phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, phục vụ các ngày lễ lớn và các sự kiện quan trọng trong năm. Hoạt động văn hóa - nghệ thuật, thể dục - thể thao quần chúng phát triển mạnh mẽ và rộng khắp, đáp ứng tốt nhu cầu hưởng thụ văn hóa của các tầng lớp nhân dân. Hiện trạng các thiết chế văn hóa cơ sở gồm Trung tâm văn hóa, trung tâm thể thao huyện, trung tâm thể thao - văn hóa xã thị trấn, nhà văn hóa - khu thể thao thôn tổ dân phố còn thiếu. Toàn huyện có 207/207 thôn, tổ dân phố đều đạt danh hiệu văn hóa. 15/18 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, thị trấn Di Linh đạt chuẩn văn minh đô thị.

Diện tích đất cơ sở văn hoá (*đất cơ sở văn hóa, đất sinh hoạt cộng đồng và đất khu vui chơi giải trí công cộng*) năm 2019 có 26,45 ha, đạt 1,65 m²/người theo thông tư 01/2017/TT-BTNMT thì định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa (huyện miền núi – Tây Nguyên) từ 0,21-0,50m²/người) theo đó diện tích đã vượt định mức, nhưng nhiều công trình văn hóa của các xã còn thiếu và chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân cần được đầu tư xây dựng thêm.

f. Cơ sở y tế

Hoạt động bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, chương trình mục tiêu y tế, dân số, công tác khám chữa bệnh tiếp tục duy trì thường xuyên ; quản lý hành nghề y được tự nhân được thực hiện tốt, các cơ sở hành nghề y được tự nhân, an toàn thực phẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Công tác vận động tham gia bảo hiểm y tế toàn dân được thực hiện sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân, tỷ lệ tham gia BHYT năm 2019 toàn huyện đạt 87,41%. Toàn huyện có 19/19 trạm y tế đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

Diện tích đất y tế trên địa bàn huyện hiện trạng có 6,44 ha (0,4 m²/người) đã đạt so với tiêu chuẩn định mức sử dụng đất cơ sở y tế tại theo thông tư 01/2017/TT-BTNMT (huyện miền núi – Tây Nguyên) là 0,3-0,32 m²/người). Do đó, những năm tới chỉ mở rộng các cơ sở y tế ở những khu vực khó khăn, đầu tư về cơ sở hạ tầng y tế để đáp ứng ngày càng cao công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của người dân trên địa bàn huyện.

g. Cơ sở giáo dục - đào tạo

Huyện Di Linh hiện có 82 trường công lập (có 23 trường mầm non (MN) 31 trường tiểu học, 20 trường trung học cơ sở (THCS), 2 trường TH-THCS, 6 trường THPT gồm THPT Di Linh; THPT Phan Bội Châu; THPT Lê Hồng Phong; THPT Trường Chinh; THPT Nguyễn Viết Xuân; THPT Nguyễn Huệ) và có 06 trường Mầm non, Mẫu giáo tư thục. Năm học 2019-2020, toàn huyện có tổng số 34.391 học sinh, trong đó, Mầm non: 7.532 cháu, Tiểu học: 16.247 học sinh, THCS: 9.879 học sinh, THPT có 5.230 học sinh. Tổng số trường đạt chuẩn Quốc gia của 3 cấp học là 41/82 trường công lập đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ 50,0%), gồm: 12/29 trường mầm non (41,4%), 20/31 trường tiểu học (64,5%), 09/22 trường THCS (40,9%). 57/76 trường có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia (75%). Trong đó, hệ tư thục chưa có trường đạt chuẩn quốc gia; hệ công lập có 41/76 trường công lập đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ 53,9%).

Đối với các trường THPT thì trên địa bàn huyện Di Linh hiện có 6 trường THPT.

Diện tích sử dụng đất của ngành giáo dục là 96,97 ha, đạt 6,06 m²/người. *Theo thông tư 01/2017/TT-BTNMT thì định mức sử dụng đất cơ sở giáo dục đào tạo (cấp xã, cấp huyện khu vực nông thôn) từ 5,7-6,7m²/người*), đáp ứng chỉ tiêu sử dụng đất. Tuy nhiên, vẫn còn Do đó cần quy hoạch bố trí thêm diện tích đất cơ sở giáo dục để đảm bảo đạt chuẩn diện tích cho ngành giáo dục.

h. Cơ sở thể dục-thể thao

Đa số các xã, thị trấn đều có sân bóng đá, sân bóng chuyền, cầu lông để người dân luyện tập. Tuy nhiên, một số xã chưa có diện tích thể thao như: Đình Trang Thượng, Liên Đàm, Hòa Trung, Hòa Nam, Sơn Điền, Gia Bắc.

Tổng diện tích đất các cơ sở thể dục - thể thao 33,86 ha. Bình quân diện tích đất thể thao là 2,12 m²/người, như vậy đã đạt chuẩn định mức sử dụng đất cơ sở thể dục, thể thao (*theo thông tư 01/2017/TT-BTNMT thì định mức sử dụng đất cơ sở thể dục thể thao đối với* (huyện miền núi – Tây Nguyên từ 1,56-1,85m²/người). Tuy nhiên, còn nhiều xã, thị trấn vẫn còn thiếu nơi tham gia hoạt động thể dục thể thao, do đó cần phải bố trí đất cho các xã, thị trấn chưa có đất hoặc đã có đất nhưng chưa đạt chuẩn.

i. Chợ

Hầu hết các xã, thị trấn đều đã có chợ để lưu thông và trao đổi hàng hóa.

Tổng diện tích đất sử dụng vào mục đích chợ năm 2019 có 3,67 ha, chiếm Bình quân diện tích đạt 0,231 m²/người.

Khối lượng hàng hóa sản xuất ra phần lớn được mua bán, trao đổi thông qua các chợ; các chợ thuộc các xã vùng đồng bằng thường cung cấp các sản phẩm là nông sản, thực phẩm chủ yếu.

1.3. Tình hình quản lý đất đai

1.3.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 và biến động sử dụng đất

Căn cứ vào kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 và kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch 2020, ước số liệu hiện trạng sử dụng đất

năm 2020 của huyện Di Linh (đến 31/12/2020), tình hình biến động đất đai của huyện năm 2020 so với năm 2019 như sau:

Tổng diện tích tự nhiên của huyện Di Linh có 161.315,54 ha không tăng giảm so với hiện trạng năm 2019.

Biểu 2. Hiện trạng đất đai năm 2020 và biến động năm 2019 đến năm 2020

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2019	Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất 2020		
				Diện tích năm 2020	Tăng, giảm (-)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích tự nhiên (1+2+3)		161.315,54	161.315,54		100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	151.331,03	151.324,01	-7,02	93,81
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.657,58	2.657,00	-0,58	1,65
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>895,15</i>	<i>894,57</i>	<i>-0,58</i>	<i>0,55</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	924,70	917,18	-7,52	0,57
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	64.341,30	64.298,49	-42,81	39,86
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.699,22	11.699,22		7,25
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	71.555,42	71.553,44	-1,98	44,36
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	135,63	135,63		0,08
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	17,18	63,05	45,87	0,04
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9.246,48	9.296,14	49,66	5,76
2.1	Đất quốc phòng	CQP	384,01	384,01		0,24
2.2	Đất an ninh	CAN	12,11	12,11		0,01
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	14,61	14,89	0,28	0,01
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	33,73	33,85	0,12	0,02
2.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	11,71	11,71		0,01
2.6	Đất phát triển hạ tầng	DHT	5.351,85	5.384,49	32,64	3,34
	<i>Trong đó:</i>					
-	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>5,55</i>	<i>5,55</i>		<i>0,00</i>
-	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>6,44</i>	<i>6,67</i>	<i>0,23</i>	<i>0,00</i>
-	<i>Đất cơ sở giáo dục đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>96,97</i>	<i>97,61</i>	<i>0,64</i>	<i>0,06</i>
-	<i>Đất cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>33,86</i>	<i>33,84</i>	<i>-0,02</i>	0,02
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,30	3,30		0,00
2.8	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.462,28	1.466,18	3,90	0,91
2.9	Đất ở tại đô thị	ODT	226,58	229,49	2,91	0,14
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,08	10,01	-0,07	0,01
2.11	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	11,25	11,25		0,01
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	47,28	47,28		0,03
2.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	150,25	150,22	-0,03	0,09
2.14	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	43,01	53,26	10,25	0,03
2.15	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	16,63	16,81	0,18	0,01
2.16	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,27	4,27		0,00
2.17	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	2,98	2,98		0,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2019	Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất 2020		
				Diện tích năm 2020	Tăng, giảm (-)	Cơ cấu (%)
2.18	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.130,19	1.129,67	-0,52	0,70
2.19	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	302,93	302,93		0,19
3	Đất chưa sử dụng	CSD	738,03	695,39	-42,64	0,43
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	22,85	22,85		0,01
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	715,18	672,54	-42,64	0,42
4	Đất đô thị*	KDT	2.501,55	2.501,55		1,55

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

Nguồn: Diện tích năm 2020 tổng hợp từ kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 và số liệu hiện trạng năm 2020 từ ước kết quả thực hiện đến 31/12/2020.

a. Hiện trạng và biến động sử dụng đất nông nghiệp:

Hiện trạng năm 2020 có 151.324,01 ha, chiếm 93,81% tổng DTTN, hầu hết đất nông nghiệp đã được giao cho các hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức sử dụng. Đây là cơ sở để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp,...Đẩy mạnh phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung: chè, cà phê,... làm cho đời sống nhân dân được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm. Trong đó:

Diện tích đất nông nghiệp giảm 7,02 ha so với năm 2019 do chuyển sang đất phi nông nghiệp khi thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện các công trình, dự án,... Trong đó:

- Đất trồng lúa: có 2.657,0 ha, chiếm 1,65% tổng DTTN. Phân bố nhiều ở các xã Bảo Thuận (518,51 ha), Gung Ré (374,71 ha), TT Di Linh (305,39 ha), Tân Châu (119,12 ha), Tân Nghĩa (153,95 ha), Gia Hiệp (192,69 ha), Đình Lạc (249,26 ha), Tam Bó (215,84 ha), Đình Trang Hòa (126,77 ha, Liên Đàm (141,63 ha), Sơn Điền (173,57 ha)... Các xã có diện tích đất trồng lúa ít như: Tân Thượng, Hòa Ninh, Hòa Trung, Hòa Bắc, Đình Trang Thượng, và 3 xã Tân Lâm, Hòa Nam và Gia Bắc không có diện tích đất trồng lúa. Diện tích đất trồng lúa giảm 0,58 ha so với năm 2019. Do chuyển sang đất phi nông nghiệp, chủ yếu là mở rộng, làm mới và nâng cấp các tuyến đường (Đường tránh ngập Đình Lạc -Bảo Thuận, Đường sạt lở tránh ngập xả lũ hồ thủy lợi Ka La, Dự án xây dựng đập dâng Đạ R'Sal). Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước: giảm 0,58 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: có 917,18 ha, chiếm 0,57% tổng DTTN. Phân bố ở một số xã, thị trấn trên địa bàn huyện nhưng diện tích không nhiều. Phân bố chủ yếu 1 số xã như: Gia Bắc (262,11 ha), Gia Hiệp (85,34 ha), Đình Lạc (72,31 ha), Tam Bó (151,97 ha), TT Di Linh (54,25 ha),... Diện tích đất trồng cây hàng năm khác giảm 7,52 ha, chủ yếu do chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn và đất nông nghiệp khác.

- Đất trồng cây lâu năm: có 64.298,49 ha, chiếm 39,86 % tổng DTTN. Phân bố đều ở hầu hết các xã, thị trấn trên địa bàn huyện, trong đó phân bố nhiều nhất tại xã Liên Đàm (6.056,25 ha), Tân Lâm (5.487,95ha), Tân Thượng (4.886,36 ha), Đình Trang Hòa (4.711,87 ha). Diện tích đất trồng cây lâu năm giảm 42,81 ha so với năm

2019, do chuyển sang để thực hiện cho hầu hết tất cả các công trình dự án đất phi nông nghiệp đã thực hiện trong năm 2020 theo kết quả thực hiện.

- Đất rừng phòng hộ: có 11.699,22 ha, chiếm 7,25 % DTTN. Phân bố trên địa bàn 9 xã, nhưng nhiều ở 3 xã Hòa Bắc (4.620,07 ha), Đình Trang Thượng (2.734,36 ha), Sơn Điền (2.160,99 ha), 6 xã còn lại có diện tích nhỏ. Diện tích đất rừng phòng hộ từ năm 2019 đến năm 2020 không biến động (có 11.699,22 ha).

- Đất rừng sản xuất: có 71.553,44 ha, chiếm 44,36% DTTN. Phân bố nhiều ở hầu hết các xã, thị trấn trên địa bàn huyện, nhưng có 2 xã không có đất rừng sản xuất bao gồm: xã Hòa Ninh và xã Tân Nghĩa. Diện tích đất rừng sản xuất giảm 1,98 ha so với năm 2019. Do chuyển sang: đất thủy lợi 0,87 ha; đất nông nghiệp khác 0,85 ha và Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 0,26 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: có 135,63 ha, chiếm 0,08 % DTTN. Phân bố nhiều ở các xã Đình Trang Hòa, Liên Đàm, Hòa Bắc, Hòa Trung,... Diện tích đất nuôi trồng thủy sản từ năm 2019 đến năm 2020 không biến động (có 135,63 ha).

- Đất nông nghiệp khác: có 63,05 ha, chiếm 0,04 % DTTN. Phân bố chủ yếu ở xã Gia Bắc, TT Di Linh, xã Đình Lạc. Diện tích đất nông nghiệp khác từ năm 2019 đến năm 2020 tăng 45,87 ha tại xã Gia Bắc.

b. Hiện trạng và biến động diện tích đất phi nông nghiệp

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp hiện trạng năm 2020 có 9.296,14 ha chiếm 5,76 % diện tích tự nhiên, tăng 49,66 ha so với năm 2019. Chủ yếu là đã triển khai thu hồi đất các dự án. Trong đó:

- Đất quốc phòng: có 384,01 ha, chiếm 0,24% tổng DTTN. Phân bố chủ yếu ở các xã Liên Đàm, Gung Ré, Bảo Thuận và thị trấn Di Linh. Đất quốc phòng từ năm 2019 đến năm 2020 không biến động.

- Đất an ninh: có 12,11 ha, chiếm 0,01 % tổng DTTN. Phân bố chủ yếu ở các xã Gia Hiệp, Hòa Ninh, Gia Bắc và thị trấn Di Linh. Đất an ninh từ năm 2019 đến năm 2020 không biến động.

- Đất thương mại, dịch vụ: có 14,89 ha, chiếm 0,01 % tổng DTTN. Đất thương mại dịch vụ của huyện chủ yếu phân bố ở xã Tân Châu, Tân Nghĩa, Gia Hiệp, Đình Lạc, Gung Ré và thị trấn Di Linh. Các cơ sở thương mại dịch vụ còn lại có diện tích nhỏ phân bố chủ yếu ở các xã có QL 28 đi qua. Đất thương mại, dịch vụ: tăng 0,28 ha so với năm 2019. Do thực hiện công trình: Xây dựng các cửa hàng xăng dầu tại các xã Tân Lâm, Tân Châu, Đình Trang Hòa, Hòa Ninh.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: có 33,85 ha, chiếm 0,02% tổng DTTN. Phân bố ở xã Di Linh, Đình Lạc, Tam Bồ, Gia Hiệp, Gung Ré, Hòa Ninh và thị trấn Di Linh... Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng 0,12 ha so với hiện trạng 2019 do thực hiện chuyển mục đích Hợp tác xã cà phê Lâm Viên – tại xã Liên Đàm.

- Đất cho hoạt động khoáng sản: có 11,71 ha, chiếm 0,01% tổng DTTN. Phân bố tại xã Tam Bồ và Tân Nghĩa. Đất cho hoạt động khoáng sản không biến động (11,71 ha).

- Đất phát triển hạ tầng: có 5.384,49 ha, chiếm 3,34 % tổng DTTN. Phân bố ở tất cả các xã, thị trấn. Trong đó: đất cơ sở văn hoá có 5,55 ha, đất cơ sở y tế có 6,67

ha, đất cơ sở giáo dục - đào tạo có 97,61 ha và đất cơ sở thể dục, thể thao có 33,84 ha. Diện tích còn lại chủ yếu là đất giao thông, đất thủy lợi và đất công trình năng lượng. Đất phát triển hạ tầng: tăng 32,64 ha so với năm 2020. Trong đó:

+ Đất cơ sở văn hóa hiện trạng có 5,55 ha, không tăng giảm so với hiện trạng năm 2019 (giữ nguyên hiện trạng).

+ Đất cơ sở y tế có 6,67 ha, tăng 0,23 ha so với năm 2019. Biến động tăng 0,23 do chuyển sang từ đất trồng cây lâu năm;

+ Đất cơ sở thể dục thể thao hiện trạng có 33,84 ha, giảm 0,02 ha so với hiện trạng năm 2019.

+ Đất cơ sở giáo dục-đào tạo: tăng 0,64 ha so với năm 2019 do mở rộng các trường: Trường mẫu giáo Tân Lâm. Đất giáo dục biến động tăng 0,64 ha từ đất trồng cây lâu năm.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: có 3,3 ha, phân bố ở xã Gung Ré. Đất bãi thải, xử lý chất thải không tăng giảm so với 2019 (3,3 ha).

- Đất ở tại nông thôn: có 1.466,18 ha, chiếm 0,91% tổng DTTN. Phân bố ở tất cả các xã. Đất ở tại nông thôn tăng 3,9 ha so với năm 2019 do thực hiện chuyển đổi mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn.

- Đất ở tại đô thị: có 229,49 ha, chiếm 0,14 % tổng DTTN. Phân bố toàn bộ tại trung tâm huyện lỵ thị trấn Di Linh. Đất ở tại đô thị tăng 2,91 ha so với năm 2019 do chuyển đổi mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở đô thị.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: có 10,01 ha, chiếm 0,01% tổng DTTN. Phân bố ở tất cả các xã, thị trấn. Chủ yếu là diện tích đất trụ sở UBND huyện, các cơ quan thuộc UBND huyện và trụ sở UBND các xã, thị trấn. Đất xây dựng trụ sở cơ quan: giảm 0,07 ha so với năm 2019 do chuyển sang đất thương mại dịch vụ (đầu giá trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện (trụ sở làm việc cũ)).

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: có 11,25 ha, chủ yếu là trụ sở cơ quan các tổ chức sự nghiệp trên địa bàn huyện phân bố chủ yếu tại thị trấn Di Linh, xã Gung Ré và Tân Châu... Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Diện tích không tăng giảm so với hiện trạng năm 2020.

- Đất cơ sở tôn giáo: có 47,28 ha, chiếm 0,03% tổng DTTN. Phân bố ở 17/19 xã, thị trấn (trừ xã Gia Bắc và xã Đinh Trang Thượng).

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa: có 150,22 ha, chiếm 0,09% tổng DTTN, phân bố ở tất cả các xã, thị trấn. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa giảm 0,03 ha sang mở rộng đường giao thông.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng: có 53,26 ha, chiếm 0,03 % tổng DTTN, phân bố chủ yếu ở các xã Gia Hiệp, Đinh Lạc, Tam Bô. Đất sản xuất vật liệu xây dựng so với năm 2019 diện tích tăng 10,25 ha, do thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất sang đất khai thác đá chế xây dựng, cát xây dựng.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: có 16,81 ha, chiếm 0,01% tổng DTTN, phân bố ở tất cả các xã, thị trấn. Chủ yếu là diện tích đất xây dựng nhà văn hóa các tổ dân phố, thôn. Đất sinh hoạt cộng đồng tăng 0,18 ha so với năm 2019. Biến động tăng 0,19 ha từ đất trồng cây lâu năm, đất giao thông và đất ở nông thôn.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: có 4,27 ha tập trung tại thị trấn Di Linh, chủ yếu là khu vui chơi thiếu nhi, công viên cây xanh.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: có 2,98 ha. Đất cơ sở tín ngưỡng không tăng giảm so với hiện trạng năm 2019.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: có 1.129,67 ha, chiếm 0,70 % tổng DTTN. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 0,52 ha so với năm 2019 do chuyển sang đất giao thông và thủy lợi.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: có 302,93 ha, không tăng giảm so với hiện trạng năm 2019.

c. Hiện trạng và biến động đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng có 695,39 ha, chiếm 0,43 % tổng DTTN. Phân bố ở 16/19 xã, thị trấn. Diện tích đất chưa sử dụng giảm 42,64 ha so với năm 2019 do chuyển sang đất nông nghiệp khác. Diện tích đất chưa sử dụng còn lại sẽ tiếp tục được đầu tư khai thác những vùng thuận lợi vào mục đích nông-lâm nghiệp và phi nông nghiệp trong những năm tới.

1.3.2. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Khi Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và KHSD đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện; điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Di Linh, kế hoạch sử dụng đất năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 của huyện được UBND tỉnh phê duyệt; UBND huyện đã tổ chức công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để mọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết và thực hiện.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường đã hướng dẫn UBND các xã, thị trấn; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết về quy trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất hàng năm theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

- Việc quản lý, sử dụng đất trên địa bàn huyện sau khi QH, KHSD đất được phê duyệt đến nay thực hiện tốt; có một số trường hợp sử dụng đất sai quy hoạch được duyệt tuy nhiên đã được phát hiện và kịp thời xử lý.

1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường

1.4.1. Các lợi thế

- Di Linh là một trong những địa bàn có vị trí rất thuận lợi để phát triển kinh tế-xã hội. Có các trục quốc lộ 28 kết nối Di Linh đi các tỉnh Bình Thuận, Đắk Nông, Quốc lộ 20 nối liền Di Linh với Đà Lạt, Bảo Lộc và các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Tài nguyên đất phong phú, diện tích đất đỏ bazan chiếm trên 30% diện tích tự nhiên, quỹ đất phát triển nông, lâm nghiệp lớn, chiếm trên 93% diện tích tự nhiên, đất đai, khí hậu phù hợp với nhiều loại cây trồng, đặc biệt là các loại cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả có giá trị kinh tế cao như: cà phê, chè, sầu riêng, bơ, mít nghệ, chuối laba,...

- Nằm trong vùng có mưa nhiều, nền nhiệt độ cao, chế độ gió, độ ẩm, ánh sáng dao động trong phạm vi thích hợp với nhiều loại cây trồng, vật nuôi.

- Là huyện lớn nhất tỉnh về mặt diện tích với 16,52% diện tích tự nhiên, 13,01% dân số toàn tỉnh, Di Linh là huyện có vai trò khá quan trọng đối với Lâm Đồng trong phát triển kinh tế - xã hội: là huyện có diện tích và sản lượng cà phê lớn nhất tỉnh nên có đóng góp rất lớn cho xuất khẩu, nguồn thu ngoại tệ của tỉnh và quyết định sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến cà phê.

- Huyện có nguồn lao động dồi dào, trình độ lao động sản xuất và tay nghề khá cao, người lao động cần cù lao động nên có thể phát huy sức sáng tạo và là tiền đề tạo ra nguồn lao động có năng suất cao, chất lượng tốt phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế xã hội trong tương lai.

Đánh giá chung: Di Linh có điều kiện tự nhiên rất thuận lợi cho việc phát triển đa dạng ngành nghề sản xuất, nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng,...do đó khi lập kế hoạch sử dụng đất hợp lý sẽ mang lại hiệu quả rất lớn.

1.4.2. Những hạn chế

- Địa hình cao nguyên, chủ yếu là đồi núi dẫn đến việc tổ chức khai thác tài nguyên đất đai, nguồn nước khá phức tạp và tốn kém; việc xây dựng mạng lưới cơ sở hạ tầng kỹ thuật như mạng lưới điện, hệ thống đường giao thông, mạng lưới điện thoại,... cũng tốn kém.

- Nền kinh tế tăng trưởng chưa vững chắc, ngành công nghiệp, dịch vụ phát triển chậm; sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá thấp; chăn nuôi kém phát triển so với tiềm năng; diện tích cà phê tái canh, chuyển đổi giống năng suất cao chưa nhiều, việc ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ cao vào sản xuất còn chưa sâu rộng.

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật đã được quan tâm đầu tư, có nhiều cải thiện nhưng tổng thể vẫn còn thấp và chưa đồng bộ; tổ chức triển khai một số công trình trọng điểm chậm. Đời sống một bộ phận nhân dân ở vùng sâu, vùng xa vẫn còn khó khăn.

- Do mức sống dân cư vẫn chưa cao, khả năng huy động các nguồn lực trong dân còn hạn chế, trong khi nhu cầu vốn đầu tư phát triển rất lớn. Vốn đầu tư chủ yếu dựa vào ngân sách cấp trên, các nhà đầu tư trong, ngoài tỉnh và nước ngoài. Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới và khu vực nên nguồn vốn của trung ương và tỉnh, các doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn huyện không nhiều. Vì vậy các công trình, dự án đề ra trong KHSD đất năm 2020 thực hiện được không đáng kể so với kế hoạch sử dụng đất được duyệt mà nguyên nhân chính là thiếu vốn đầu tư.

PHẦN II

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020

2.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020

2.1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất

Căn cứ Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Di Linh, Quyết định số 1895/QĐ-UBND ngày 01/9/2020, Quyết định 1971/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 về phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất 2020; căn cứ Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 và Nghị quyết số 175/NQ-HĐND ngày 27/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về *thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*. Đây là những căn cứ pháp lý và cơ sở quan trọng để tỉnh và huyện thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, phục vụ phát triển, tăng trưởng kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và quốc phòng, an ninh của huyện.

Trên cơ sở Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được phê duyệt, quá trình triển khai thực hiện đã đạt được những kết quả nhất định, giúp cho việc quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện đi vào nề nếp và phục vụ tốt cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2020. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện cụ thể như sau:

a. Đánh giá kết quả thực hiện theo công trình, dự án

a.1. Đánh giá kết quả thực hiện theo tổng số công trình, dự án năm kế hoạch 2020 đã được duyệt:

Năm 2020, đã đưa vào kế hoạch thực hiện 254 công trình, dự án (trong đó có 8 công trình bổ sung sau phê duyệt lần đầu) thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp và mở rộng diện tích đất nông nghiệp, với tổng diện tích đưa vào kế hoạch sử dụng đất 2.189,74 ha (trong đó diện tích đưa vào thu hồi chuyển mục đích 736,19 ha). Kết quả thực hiện được 34/254 công trình (chiếm 13,38% số danh mục công trình dự án); Công trình dự án thực hiện được 1 phần 5/254 công trình (chiếm 1,97% số danh mục công trình dự án); Chuyển tiếp 194 công trình, dự án (chiếm 76,38%) sang năm 2021 thực hiện (đã bao gồm 5 công trình chuyển tiếp 1 phần); đưa ra ngoài kế hoạch năm 2021: 26 công trình do chưa có vốn; quá 3 năm, chủ đầu tư không đăng ký thực hiện tiếp,...(chiếm 10,24%). Theo phân cấp:

** Đối với công trình dự án phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh:*

- Trong năm 2020 dự án đất quốc phòng, an ninh có 4 công trình dự án với diện tích 91,62 ha, trong năm 2020 chưa thực hiện được công trình, dự án nào (0/4 công trình, đạt 0% về số lượng và diện tích);

*** Đối với công trình dự án cấp huyện:**

- Trong tổng số 254 danh mục công trình dự án cấp huyện đã thực hiện được tổng số 34 danh mục công trình và 5 công trình thực hiện 1 phần với tổng diện tích theo kế hoạch là 135,89 ha, trong đó diện tích phải chuyển mục đích 106,15 ha.

Biểu 3. Kết quả thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch 2020

STT	Hạng mục	Công trình đã thực hiện	Công trình chuyển tiếp	Công trình hủy bỏ
1	Công trình chuyển tiếp từ năm 2018	3	10	5
2	Công trình chuyển tiếp từ năm 2019	13	85	13
3	Công trình đăng ký mới năm 2020	18	99	8
Tổng số		34	194	26

*** Đánh giá về công trình, dự án đã thực hiện năm 2020:** Tổng số công trình dự án đã thực hiện trên địa bàn huyện năm 2020 có 34/254 công trình (đạt 13,38 % số công trình). Trong tổng số 34 công trình dự án có 28 công trình dự án được thực hiện có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và 6 danh mục công trình dự án ngoài ngân sách; 5 công trình dự án thực hiện 1 phần có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, cụ thể danh mục các công trình đã thực hiện:

Biểu 4. Danh mục công trình, dự án năm kế hoạch 2020 đã thực hiện

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
I	Công trình, dự án đã thực hiện xong trong năm 2020					
a.1	Dự án công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước					
1	Hồ Sa Vò 1 xã Liên Đàm	2,94 (DTL)		2,94	2,24 (CLN) 0,16 (SON) 0,54 (CSD)	Xã Liên Đàm
2	Hội trường tổ dân phố 1	0,05 (DSH)		0,05	0,05 (CLN)	Thị trấn Di Linh
3	Đường sạt lở tránh ngập xả lũ hồ thủy lợi Ka La	7,89 (DGT)	5,29	2,60	0,06 (LUC) 2,54 (CLN)	Xã Bảo Thuận
4	Đường vào khu sản xuất thôn Đàng Gia	0,66 (DGT)	0,19	0,49	CLN	Xã Sơn Điền
5	Dự án xây dựng đập dâng Đạ R'Sal	6,29 (DTL)		6,29	3,89 (LUC) 0,11 (HNK) 1,92 (CLN) 0,87 (RSX) 0,34 (SON) 0,08 (CSD)	Xã Sơn Điền
6	Đường tránh ngập Đình Lạc -Bảo Thuận	3,79 (DGT)	1,38	2,41	0,02 (LUC) 2,36 (CLN) 0,02 (DTL) 0,03 (NTD)	Xã Đình Lạc
7	Cầu thôn 3 và thôn 15, xã Hòa Nam	0,14 (DGT)		0,14	0,14 (CLN)	Xã Hoà Nam
8	Cầu thôn 1, xã Liên Đàm	0,10 (DGT)		0,10	0,10 (CLN)	Xã Liên Đàm
9	Cầu thôn 2, xã Liên Đàm	0,10 (DGT)		0,10	0,10 (CLN)	Xã Liên Đàm
10	Cầu Corum nhỏ, xã Hòa Bắc	0,10 (DGT)		0,10	0,10 (CLN)	Xã Hoà Bắc
11	Cầu Bui Kne, xã Đình Trang Hòa	0,10 (DGT)		0,10	0,10 (CLN)	Xã Đình Trang Hòa
12	Đường vào khu SX thôn Kơ Nết, xã Bảo Thuận	0,30 (DGT)	0,05	0,25	0,25 (CLN)	Xã Bảo Thuận

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
13	Đường vào khu SX thôn Bảo Thuận, xã Bảo Thuận	0,70 (DGT)	0,28	0,42	0,42 (CLN)	Xã Bảo Thuận
14	Đường giao thông liên xã Liên Đàm - Tân Châu - Tân Thượng (chuyển tiếp phần diện tích đang lập phương án bồi thường cho 3 hộ xã Liên Đàm và 23 hộ xã Tân Châu)	2,71 (DGT)		0,22	0,22 (CLN)	Xã Liên Đàm
15	Trường Mẫu giáo Tân Lâm	0,64 (DGD)		0,64	0,64 (CLN)	Xã Tân Lâm
16	Hội trường thôn 12	0,07 (DSH)		0,07	0,02 (DGT) 0,05 (ONT)	Xã Hòa Ninh
17	Hợp tác xã cà phê Lâm Viên (Điều chỉnh QH ONT sang SKC)	0,12 (SKC)		0,12	0,12 (CLN)	Xã Liên Đàm
18	Trạm y tế xã Đinh Lạc	0,19 (DYT)		0,19	0,19 (DSH)	Xã Đinh Lạc
19	Đất trụ sở mới của Chi cục thống kê Di Linh	0,93 (TSC)	0,93			Thị trấn Di Linh
20	Trạm y tế xã Tân Nghĩa	0,07 (DYT)	0,07			Xã Tân Nghĩa
21	Khai thác đá chế xây dựng (Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Văn Hiền)	3,01 (SKX)		3,01	3,01 (CLN)	Xã Tân Nghĩa
22	Thủy điện Trung Nam (bổ sung)	2,36 (DNL)		2,36	2,34 (CLN) 0,02 (DGT)	Xã Tân Nghĩa
23	Chuyển mục đích sử dụng đất của Công ty TNHH Hoàng Cát Tường để thực hiện dự án đầu tư tại xã Gia Bắc, huyện Di Linh	6,28 (SON) 45,87 (NKH)	6,28	45,87	0,85 (RSX) 45,02 (CSD) 6,28 (SON)	Xã Gia Bắc
24	Khai thác và chế biến cát xây dựng tại lòng sông Đa Dâng (Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Dung) phần huyện Di Linh - Tổng diện tích dự án là 11,29 ha (2 huyện Lâm Hà và Di Linh)	1,97 (SKX)		1,97	1,97 (CLN); SON	Xã Gia Hiệp
25	Khai thác và chế biến đá xây dựng (Công ty TNHH khai thác xây dựng Lộc Đại Phát)	6,31 (SKX)	2,88	3,43	3,16 (CLN) 0,26 (RSX) 0,01 (DGT)	Xã Gia Hiệp
26	Đường vào khu SX xóm 3 thôn Phú Hiệp 1 (3km)	1,22 (DGT)	0,6	0,62	0,05 (HNK) 0,57 (CLN) 0,01 (CSD)	Xã Gia Hiệp
27	Trạm y tế xã Gung Ré	0,16 (DYT)	0,16			Xã Gung Ré
28	Bảo hiểm xã hội huyện (trụ sở làm việc cũ)	0,07 (TMD)		0,07	0,07 (TSC)	Thị trấn Di Linh
b.2 Dự án, công trình sử dụng vốn ngoài ngân sách						
29	Công ty TNHH MTV ABC thuê đất (246m ²)	0,02 (TMD)		0,02	TMD	Thị trấn Di Linh
30	Cửa hàng xăng dầu tại xã Hòa Ninh (Trịnh Văn Linh)	0,04 (TMD)	0,04		0,04 (ONT)	xã Hòa Ninh
31	Cửa hàng xăng dầu tại xã Tân Châu (Phạm Thị Loan Anh)	0,04 (TMD)	0,04		0,04 (ONT)	xã Tân Châu
32	Cửa hàng xăng dầu tại xã Đinh Trang Hòa (Hoàng Văn Huân)	0,03 (TMD)	0,03		0,03 (ONT)	Xã Đinh Trang Hòa
33	Cửa hàng xăng dầu Thảo Lâm, xã Tân Lâm	0,1 (TMD)	0,10		0,1 (CLN)	Xã Tân Lâm
34	Agribank chi nhánh Di Linh - phòng giao dịch Gia Hiệp	0,05 (TMD)		0,05	CLN	Xã Gia Hiệp
II Công trình đã thực hiện được 1 phần						
a.1 Dự án công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước						
1	Đường nội thị thị trấn Di Linh (Đường Mọ Cọ, Ka Đen, Trần Phú)	5,45 (DGT)	4,11	1,34	0,01 (HNK) 0,93 (CLN) 0,02 (DVH) 0,01 (DGD)	Thị trấn Di Linh

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
					0,02 (DTT) 0,35 (ODT)	
2	Đường từ thị trấn Di Linh đi Tân Châu	7,94 (DGT)	4,35	2,37	1,96 (CLN) 0,40 (ONT) 0,01 (SON)	Xã Tân Châu
3	Đường từ Hòa Ninh đi thôn 6 Đình Trang Hòa	5,75 (DGT)	2,87	2,19	1,71 (CLN) 0,02 (DTT) 0,45 (ONT) 0,01 (SON)	Xã Hòa Ninh
4	Hồ chứa nước thôn 9	25,00 (DTL)		25,00	22,68 (CLN) 1,70 (NTS) 0,52 (DGT) 0,10 (NTD)	Xã Hoà Trung
5	Điểm dân cư thôn 6 Tân Lâm	0,07 (ONT)	0,07		ONT	Xã Tân Lâm

*** Công trình, dự án đề nghị chuyển tiếp sang năm 2021: 194 công trình dự án (đã bao gồm 5 công trình thực hiện 1 phần), chiếm 76,38% số công trình dự án:**

Trong 194 công trình, dự án chuyển tiếp toàn bộ sang năm 2021, có 3 dự án công trình phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh 91,57 ha (trong đó Diện tích thu hồi chuyển mục đích sử dụng đất 29,27 ha) và 191 công trình của huyện. Các công trình cấp tỉnh chủ yếu thuộc đất quốc phòng, an ninh,...

(Cụ thể danh mục chuyển tiếp tiếp năm 2020 sang 2021 xem tại biểu 01.1a kèm theo báo cáo thuyết minh).

*** Công trình, dự án đề nghị đưa ra ngoài năm kế hoạch 2021: 26 danh mục công trình dự án với tổng diện tích đưa vào kế hoạch 260,58 ha (diện tích đưa vào chuyển mục đích năm 2020 là 260,02 ha), cụ thể:**

Biểu 5. Danh mục công trình, dự án năm kế hoạch 2020 chưa thực hiện không đưa vào thực hiện (loại bỏ) trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Mở rộng trạm Công an huyện Di Linh tại xã Tân Lâm	0,05 (CAN)	Xã Tân Lâm	Chưa thực hiện, vướng đền bù hủy không thực hiện
2	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Lang Bang	0,05 (DSH)	Xã Sơn Điền	Quá 3 năm không thực hiện
3	Chợ Tân Châu	0,58 (DCH)	Xã Tân Châu	Hủy do bị thu hồi chủ trương đầu tư
4	Chợ xã Gung Ré	0,45 (DCH)	Xã Gung Ré	Quá 3 năm không thực hiện
5	Đường Nguyễn Bình Khiêm nối dài (Đường giao thông Mọ Kọ đến Đoàn Thị Điểm tổ dân phố 15)	0,70 (DGT)	Thị trấn Di Linh	Hủy không thực hiện
6	Mở rộng UBND thị trấn Di Linh (Xây dựng nhà văn hóa, nhà để xe, sân thể thao,...)	0,14	Thị trấn Di Linh	Hủy do thay đổi tên công trình
7	Hội trường thôn 6	0,21 (DSH)	Đình Trang Hòa	Bỏ (sai vị trí)
8	Hội trường thôn 4	0,05 (DSH)	Đình Trang Hòa	Hủy do thay đổi vị trí
9	Hội trường thôn 9	0,09 (DSH)	Đình Trang Hòa	Hủy do thay đổi vị trí
10	Hội trường thôn 11	0,10 (DSH)	Đình Trang Hòa	Hủy không thực hiện

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
11	Đường dây 220kV Di Linh - Bảo Lộc (Cty Truyền Tải Điện 3)	1,09 (DNL)	TTDi Linh, Đinh Trang Hòa, Liên Đàm, Hòa Ninh	Hủy không thực hiện
12	Xây dựng trụ sở Hợp tác xã sản xuất và dịch vụ nông nghiệp xã Tân Nghĩa (thu hồi đất công ty chèo 2/9 cho HTX thuê)	0,22 (TMD)	Xã Tân Nghĩa	Hủy không thực hiện (không khả thi)
13	Khai thác và chế biến cát xây dựng tại lòng sông Đa Dâng (Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Dung) phần huyện Di Linh -	7,99 (SKX)	Xã Tân Châu	Bỏ khỏi kế hoạch năm 2021
14	Đất khu chăn nuôi tập trung xã Liên Đàm	210,12 (NKH)	xã Liên Đàm	Chưa có QĐ chủ trương
15	Đất khu chăn nuôi tập trung xã Tam Bó	31,43 (NKH)	Xã Tam Bó	Chưa có QĐ chủ trương
16	Công ty TNHH Lâm Sinh Tài (chuyển mục đích từ đất rừng sản xuất sang đất chuyên dùng để làm nhà ở công nhân và vườn ươm cây giống)	2,00 (SKC)	Xã Tam Bó	Chưa thực hiện, đưa ra vì chưa có QĐ chủ trương
17	Khai thác cát xây dựng tại lòng sông Đa Dâng (DNTN xí nghiệp xây dựng cầu đường Vinh Quang) - tổng diện tích dự án 24,795 ha. Trong đó, phần mặt nước 24,095 ha	0,70 (SKX) 24,095 (SON)	Xã Tân Lâm Đinh Trang Thượng	Đang đình chỉ (đã có giấy phép)
18	Hội trường thôn 13	0,11 (DSH)	Đinh Trang Hòa	Hủy do thay đổi vị trí
19	Hội trường thôn 2A	0,04 (DSH)	Đinh Trang Hòa	Hủy do thay đổi vị trí
20	Hội trường thôn 10	0,17 (DSH)	Đinh Trang Hòa	Hủy do thay đổi vị trí
21	Hội trường thôn 3	0,03 (DSH)	Đinh Trang Hòa	Hủy do thay đổi vị trí
22	Hội trường thôn 10	0,16 (DSH)	Đinh Trang Thượng	Hủy không thực hiện
23	Đất điểm thu thuế xã Liên Đàm	0,03 (ONT)	Xã Liên Đàm	Hủy do xin giao đất làm trụ sở công an xã Liên Đàm
24	Điểm dân cư Liên Đàm	2,00 (ONT)	Xã Liên Đàm	Hủy do khu vực đất của hộ gia đình cá nhân
25	Mở rộng đường QL 20 đoạn sụt lún đèo Gia Hiệp (Đoạn cong vị trí Km 172 + 700 - Km 173 + 80)	0,12 (DGT)	Xã Gia Hiệp	Chưa có nhu cầu thực hiện
26	Mở rộng đèo Phú Hiệp	0,15 (DGT)	Xã Gia Hiệp	Chưa có nhu cầu thực hiện

a.2. Đánh giá kết quả thực hiện theo công trình, dự án trong năm kế hoạch 2020 đã được thông qua tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh:

Nghị Quyết về thu hồi đất và chuyển mục đích năm 2019 (NQ 110/NQ-HĐND ngày 13/12/2018), Nghị Quyết về thu hồi đất và chuyển mục đích năm 2020 (NQ 160/NQ-HĐND ngày 07/12/2019, Nghị quyết số 175/NQ-HĐND ngày 27/4/2020 và Nghị quyết số 195/NQ-HĐND ngày 28/9/2020) của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng, kết quả như sau:

*** Kết quả thực hiện Nghị Quyết thực hiện thu hồi đất:** Căn cứ NQ 57/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017, NQ 110/NQ-HĐND ngày 13/12/2018, NQ 160/NQ-HĐND ngày 07/12/2019, NQ số 175/NQ-HĐND ngày 27/4/2020 và Nghị quyết số 195/NQ-HĐND ngày 28/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về thu hồi đất để phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Thì trong năm 2020 tổng số công trình dự án phải thực hiện thu hồi đất để phát triển KT-XH vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng theo khoản 3 điều 62 của luật đất đai là 68 công trình

dự án (đã thực hiện được 23 công trình dự án, chuyển tiếp sang năm 2021 thực hiện 39 công trình dự án và hủy bỏ 6 công trình dự án), cụ thể:



Kết quả thực hiện theo Nghị quyết về thu hồi đất năm 2020:

Căn cứ Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 07/12/2019, Nghị quyết số 175/NQ-HĐND ngày 27/4/2020 và Nghị quyết số 195/NQ-HĐND ngày 28/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về thu hồi đất để phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Theo đó, trong năm 2020 tổng số công trình dự án phải thực hiện thu hồi đất để phát triển KT-XH vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng theo khoản 3 điều 62 của luật đất đai là 46 công trình dự án (có 43 dự án có vốn từ ngân sách nhà nước và 3 dự án có vốn ngoài ngân sách), cụ thể:

- Công trình, dự án đã thực hiện thu hồi đất năm 2020: 15/45 công trình, dự án (đạt tỷ lệ 32,61% số công trình), tương đương diện tích đã thực hiện thu hồi được 25,95ha/117 ha (chiếm 22,18% diện tích); Công trình dự án chuyển tiếp thu hồi đất sang năm 2021 là 30/46 công trình (chiếm 65,22% số công trình), tương đương diện tích chuyển tiếp thực hiện thu hồi 90,35 ha/117,0 ha (chiếm 77,22% diện tích); Công trình dự án hủy bỏ không thực hiện có 1/39 công trình với diện tích hủy bỏ thu hồi 0,7 ha.

- Công trình, dự án thu hồi đất năm 2020 có vốn từ ngân sách nhà nước có tổng số là 43 công trình (có 15 công trình dự án thực hiện thu hồi đất trong năm 2020 là các công trình có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước); Công trình, dự án có vốn ngoài ngân sách nhà nước theo các Nghị quyết về thu hồi đất có 3 danh mục với diện tích 31,74 ha, trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 chưa thực hiện được công trình nào.

(Chi tiết xem mục A của biểu 01.3 kèm theo báo cáo thuyết minh).

➤ **Trong đó:** Theo Nghị quyết số 175/NQ-HĐND ngày 27/4/2020 và Nghị quyết số 195/NQ-HĐND ngày 28/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về bổ sung danh mục thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong năm 2020 thì huyện Di Linh được bổ sung 8 danh mục công trình thu hồi đất bổ sung. Theo kết quả rà soát thì 8/8 công trình đến hết năm 2020 chưa thực hiện được công trình nào, tiếp tục chuyển tiếp sang năm 2021 với tổng diện tích thu hồi chuyển tiếp 20,23 ha (tất cả 8/8 công trình đều có nguồn vốn từ ngân sách).



Kết quả thực hiện theo Nghị quyết về thu hồi đất từ năm 2018, 2019 chuyển sang thực hiện năm 2020:

- Căn cứ Nghị Quyết về thu hồi đất và chuyển mục đích năm 2018 (NQ 57/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017), Nghị Quyết về thu hồi đất và chuyển mục đích năm 2019 (NQ 110/NQ-HĐND ngày 13/12/2018) thì tổng số công trình dự án phải thực hiện thu hồi đất để phát triển KT-XH vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng theo khoản 3 điều 62 của luật đất đai là 22 công trình dự án, đã thực hiện 8 công trình dự án, trong đó:

- Công trình dự án thu hồi đất đã thực hiện trong năm 2020 từ năm 2018 chuyển sang 2/22 công trình đã thực hiện (chiếm 25% công trình đã thực hiện); Công trình dự án thu hồi đất đã thực hiện trong năm 2020 từ năm 2019 chuyển sang 6/22

công trình đã thực hiện (chiếm 75% công trình đã thực hiện). Và tất cả 8 công trình đã thực hiện đều có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước.

- Công trình dự án thu hồi đất chưa thực hiện chuyển tiếp thực hiện năm 2021 có 9 công trình dự án (chiếm 40,9% số công trình thu hồi đất chuyển từ năm 2018, 2019 chuyển sang thu hồi trong năm 2020) với diện tích thu hồi 44,96 ha (Có 6 công trình từ ngân sách nhà nước và 3 công trình có vốn ngoài ngân sách nhà nước).

- Công trình dự án thu hồi đất hủy bỏ không đưa vào kế hoạch thu hồi trong năm 2021 gồm 5 công trình dự án với diện tích dự kiến thu hồi 0,68 ha.

(Chi tiết kết quả xem mục B biểu 5 kèm báo cáo)

Biểu 6. Công trình dự án đã thực hiện thu hồi đất theo Nghị Quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
A	Công trình thông qua hội đồng nhân dân (Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 và Nghị quyết số 175/NQ-HĐND ngày 27/4/2020)				
I	Công trình có vốn từ ngân sách				
a	Nhóm công trình, dự án thuộc điểm b khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013				
1	Đường nội thị thị trấn Di Linh (Đường Mọ Cọ, Ka Ren, Trần Phú)	5,45 (DGT)	4,11	1,34	TT Di Linh
2	Đường từ thị trấn Di Linh đi Tân Châu	7,94	0,87 4,35	0,35 2,37	TT Di Linh Xã Tân Châu
3	Đường từ Hòa Ninh đi thôn 6 Đinh Trang Hòa	5,75 (DGT)	0,4 2,87	0,29 2,19	Đinh Trang Hòa Xã Hòa Ninh
4	Đường vào khu sản xuất thôn Đàng Gia, xã Sơn Điền	0,66 (DGT)	0,17	0,49	Xã Sơn Điền
5	Dự án xây dựng đập dâng Đạ R'Sal	6,29 (DTL)		6,29	Xã Sơn Điền
6	Đường tránh ngập Đinh Lạc -Bảo Thuận	3,79 (DGT)	1,38	2,41	Xã Đinh Lạc
7	Cầu thôn 3 và thôn 15, xã Hòa Nam	0,14 (DGT)		0,14	Xã Hoà Nam
8	Cầu thôn 1, xã Liên Đàm	0,1 (DGT)		0,10	Xã Liên Đàm
9	Cầu thôn 2, xã Liên Đàm	0,1 (DGT)		0,10	Xã Liên Đàm
10	Cầu Corum nhỏ, xã Hòa Bắc	0,1 (DGT)		0,10	Xã Hoà Bắc
11	Cầu Bưởi Kne, xã Đinh Trang Hòa	0,1 (DGT)		0,10	Đinh Trang Hòa
12	Hồ chứa nước thôn 9, xã Hòa Trung	25 (DTL)		9,00	Xã Hoà Trung
13	Đường vào khu SX thôn Kơ Nết, xã Bảo Thuận	0,30 (DGT)	0,05	0,25	Xã Bảo Thuận
14	Đường vào khu SX thôn Bảo Tuấn, xã Bảo Thuận	0,70 (DGT)	0,28	0,42	Xã Bảo Thuận
b	Nhóm công trình, dự án thuộc điểm c khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013				
15	Hội trường thôn Kao Kuil, xã Đinh Lạc	0,01(DSH)		0,01	Xã Đinh Lạc
B	Công trình thu hồi đất chuyển tiếp từ năm 2018, 2019				
I	Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước				
a.1	Công trình chuyển tiếp từ năm 2018				
1	Nhà Văn hoá xã Tân Lâm	0,29(DSH)		0,29	Xã Tân Lâm
2	Hồ Sa Vò 1 xã Liên Đàm	2,94(DTL)		2,94	Xã Liên Đàm
a.2	Công trình chuyển tiếp từ năm 2019				

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Hội trường tổ dân phố 1	0,05(DSH)		0,05	TT Di Linh
2	Khu dân cư Thôn 12 Hòa Ninh mở rộng	10,62(ONT)	4,04	6,58	Xã Hòa Ninh
3	Nhà văn hóa thôn 3	0,07(DSH)		0,07	Xã Tân Lâm
4	Nhà văn hóa thôn 6	0,06(DSH)		0,06	Xã Tân Lâm
5	Đường sạt lở tránh ngập xả lũ hồ thủy lợi Ka La	7,89(DGT)	5,29	2,60	Xã Bảo Thuận
6	Trường Mẫu giáo Tân Lâm	0,64(DGD)		0,64	Xã Tân Lâm

*** Kết quả thực hiện theo Nghị quyết về chuyển mục đích sử dụng đất:**

 Kết quả thực hiện theo Nghị quyết chuyển mục đích năm 2020:

Tổng danh mục các công trình dự án chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện được thông qua tại Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về thu hồi đất để phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, kết quả thực hiện như sau:

- Công trình, dự án năm 2020 đã thực hiện: 2/5 danh mục công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất đạt tỷ lệ 37,5% số công trình dự án, tương đương diện tích 1,46 ha/42,4 ha, đạt 3,44% diện tích dự án (*diện tích đã chuyển 0,64 ha/6,2 ha đất trồng lúa đạt 10,32% diện tích chuyển mục đích*).

- Công trình, dự án đề nghị chuyển tiếp sang năm 2021: 2/5 công trình dự án (*chiếm 40,0%*), tương đương chuyển tiếp diện tích 32,84/42,4 ha diện tích công trình, dự án, chiếm 96,56 % diện tích (*chuyển tiếp chuyển mục đích đất trồng lúa 5,56 ha*).

- Công trình hủy không thực hiện 1/5 công trình (*chiếm 20% số công trình*): Đường Nguyễn Bình Khiêm nối dài (*Đường giao thông Mọ Kọ đến Đoàn Thị Điểm tổ dân phố 15*) diện tích 0,7 ha (*diện tích xin chuyển mục đích 0,49 ha đất trồng lúa*).

Trong tổng số 8 công trình, dự án thì toàn bộ các danh mục công trình dự án thực hiện đều có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước.

 Kết quả thực hiện theo Nghị quyết chuyển mục đích từ các năm trước (2018, 2019) chuyển sang thực hiện năm 2020:

- Công trình, dự án đề nghị chuyển tiếp sang năm 2021: 5/8 công trình dự án, chiếm 62,5%, tương đương chuyển tiếp diện tích 40,94/42,4 ha diện tích công trình, dự án, chiếm 96,56 % diện tích (*chuyển tiếp chuyển mục đích đất trồng lúa 5,56 ha*).

Biểu 7. Kết quả thực hiện công trình, dự án theo của Hội đồng nhân dân tỉnh về chuyển mục đích

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích	Trong đó phân ra các loại đất (ha)		Địa điểm (đền cấp xã)	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Đất khác		
A	Công trình mới chuyển mục đích đất lúa năm 2020							
I	Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước							
1	Dự án xây dựng đập dâng Đạ R'Sal	6,29 (DTL)		6,29	3,89	2,40	Sơn Điền	Đã thực hiện

2	Đường Nguyễn Bình Khiêm nối dài (Đường giao thông Mọ Kọ đến Đoàn Thị Điểm tổ dân phố 15)	0,70 (DGT)		0,70	0,49	0,21	TT Di Linh	Hủy không thực hiện
3	Đường tránh ngập Đình Lạc -Bảo Thuận	3,79 (DGT)		3,79	0,02	3,77	Đình Lạc	Đang thực hiện (dự kiến xong 31/12/2020)
4	Thu hồi đất làm hành lang nương dẫn tại 1 số cửa xả thuộc dự án nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 20 qua huyện Di Linh	1,18 (DTL)		1,18	0,03	1,15	Đình Lạc Tân Nghĩa TT Di Linh	Chuyển tiếp năm 2021
II Dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách								
1	Thủy điện Đồng Nai I	82,43 (DNL)		21,33 10,33	2,43	18,9 10,33	Gia Hiệp Tam Bó	Chuyển tiếp năm 2021
B Công trình chuyển tiếp từ các năm trước (2018, 2019)								
I Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước								
I.1 Công trình chuyển tiếp từ năm 2019								
1	Đường sạt lở tránh ngập xả lũ hồ thủy lợi Ka La	2,6 (DGT)		2,60	0,06	2,54	Bảo Thuận	Đang thực hiện (dự kiến xong 31/12/2020)

b. Đánh giá kết quả thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất:

Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất của huyện Di Linh trong năm kế hoạch sử dụng đất 2020 được thể hiện qua biểu sau:

Biểu 8. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Diện tích kế hoạch năm 2020 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
			Diện tích (ha)	So sánh	
				Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(4)	(5)	(6) =(5)-(4)	(7)=(5)/(4)
	Tổng diện tích đất tự nhiên (1+2+3)	161.418,01	161.315,54	-102,47	99,94
1	Đất nông nghiệp	150.503,28	151.324,01	820,73	100,55
1.1	Đất trồng lúa	2.757,90	2.657,00	-100,89	96,34
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>1.918,64</i>	<i>894,57</i>	<i>-1.024,07</i>	<i>46,63</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	199,48	917,18	717,69	459,77
1.3	Đất trồng cây lâu năm	63.836,96	64.298,49	461,53	100,72
1.4	Đất rừng phòng hộ	10.626,60	11.699,22	1.072,63	110,09
1.5	Đất rừng sản xuất	72.604,67	71.553,44	-1.051,22	98,55
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	157,87	135,63	-22,25	85,91
1.7	Đất nông nghiệp khác	319,80	63,05	-256,75	19,71
2	Đất phi nông nghiệp	10.328,54	9.296,14	-1.032,40	90,00
2.1	Đất quốc phòng	408,33	384,01	-24,32	94,04
2.2	Đất an ninh	1,90	12,11	10,21	637,42
2.3	Đất cụm công nghiệp	19,42		-19,42	
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	61,47	14,89	-46,58	24,23
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	77,68	33,85	-43,83	43,58
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	3,20	11,71	8,51	366,10
2.7	Đất phát triển hạ tầng	3.253,12	5.384,49	2.131,36	165,52
	<i>Trong đó:</i>				

STT	Chỉ tiêu	Diện tích kế hoạch năm 2020 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
			Diện tích (ha)	So sánh	
				Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
-	Đất cơ sở văn hóa	5,01	5,55	0,54	110,74
-	Đất cơ sở y tế	7,63	6,67	-0,96	87,43
-	Đất cơ sở giáo dục đào tạo	92,81	97,61	4,79	105,17
-	Đất cơ sở thể dục thể thao	24,31	33,84	9,52	139,16
2.8	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	3,14		-3,14	
2.9	Đất bãi thải, xử lý chất thải	23,84	3,30	-20,54	13,84
2.10	Đất ở tại nông thôn	3.017,76	1.466,18	-1.551,59	48,58
2.11	Đất ở tại đô thị	597,92	229,49	-368,42	38,38
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	15,39	10,01	-5,38	65,05
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	7,15	11,25	4,09	157,19
2.14	Đất cơ sở tôn giáo	31,14	47,28	16,14	151,83
2.15	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	122,55	150,22	27,66	122,57
2.16	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	40,57	53,26	12,69	131,27
2.17	Đất sinh hoạt cộng đồng	12,27	16,81	4,54	137,01
2.18	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	8,70	4,27	-4,43	49,10
2.19	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,62	2,98	2,36	477,04
2.20	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	663,50	1.129,67	466,17	170,26
2.21	Đất có mặt nước chuyên dùng	1.958,77	302,93	-1.655,84	15,47
3	Đất chưa sử dụng	586,19	695,39	109,20	84,30
4	Đất đô thị*	2.501,55	2.501,55		100,00

Kết quả thực hiện: trong tổng số 38 chỉ tiêu sử dụng đất có:

- Có 17/39 chỉ tiêu đạt từ 100% trở lên.
- Có 8/39 chỉ tiêu đạt từ 75-100%.
- Có 01/39 chỉ tiêu đạt từ 50-75%.
- Có 13/39 chỉ tiêu đạt dưới 50%

Nhận xét:

- **Diện tích tự nhiên:** Thực hiện được 161.418,01ha/161.315,54 ha, đạt 99,94%, giảm 102,47 ha so với hiện trạng năm 2019. Nguyên nhân chỉ tiêu diện tích đất tự nhiên toàn huyện giảm là do trong kỳ kiểm kê đất đai định kỳ năm 2019 đã thực hiện điều chỉnh địa giới hành chính cấp huyện và cấp xã thực hiện theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2012 về việc phê duyệt Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính".

- **Đất nông nghiệp:** thực hiện được 151.324,01 ha, đạt 100,55% so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt (*cao hơn 820,73 ha*). Diện tích đất nông nghiệp thực hiện cao hơn không phải do trong năm khai thác đất chưa sử dụng vào mục đích nông nghiệp mà do chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình dự án trong năm 2020, mà chủ yếu thay đổi do quá trình kiểm kê lại hiện trạng

sử dụng đất và điều chỉnh địa giới hành chính dẫn đến diện tích đất nông nghiệp cao hơn năm 2019.

- **Đất phi nông nghiệp:** thực hiện được 9.296,14 ha/ 10.328,54 ha, đạt 90,0 % so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt (*thấp hơn 1.032,4 ha*). Chủ yếu là chưa thực hiện đa số công trình dự án trong KHSD đất năm 2020. Ngoài quá trình kiểm kê lại hiện trạng sử dụng đất và điều chỉnh địa giới hành chính dẫn đến diện tích đất phi nông nghiệp thấp hơn năm 2019, trong đó chủ yếu điều chỉnh diện tích đất ở đã kiểm kê sai trong kỳ kiểm kê trước sang đất sản xuất nông nghiệp.

- **Đất chưa sử dụng:** thực hiện được 695,39 ha/ 586,19 ha, đạt 84,3% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt (cao hơn 109,2 ha). Thực tế năm 2020 chỉ khai thác được 42,64 ha/48,84 ha được duyệt, đạt 87,31%. Diện tích chưa khai thác có chênh lệch ngoài công trình đã thực hiện là do quá trình kiểm kê lại hiện trạng sử dụng đất năm 2019.

2.1.2. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất

Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 của huyện Di Linh được thể hiện cụ thể qua biểu sau:

Biểu 9. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2020 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng, giảm(-)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	462,50	49,04	-413,46	10,60
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	5,81	0,58	-5,23	9,98
	<i>Tr. đó: đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>4,75</i>	<i>0,58</i>	<i>-4,17</i>	<i>12,21</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	6,93	4,52	-2,41	65,22
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	310,10	42,81	-267,29	13,81
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN				
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	137,95	1,13	-136,82	0,82
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	1,71		-1,71	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp					
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR ^(a)	213,80	0,85	-212,95	0,40
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,33		-0,33	

2.1.3. Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2020

Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2020 của huyện Di Linh qua biểu sau:

Biểu 10. Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2020

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích kế hoạch năm 2020 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
			Diện tích (ha)	So sánh	
				Tăng, giảm (-)	Tỷ lệ (%)
	Tổng	255,17	20,09	-235,08	7,87
1	Đất nông nghiệp	249,20	18,65	-230,55	7,48
1.1	Đất trồng lúa	5,71	3,97	-1,74	69,53
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	4,75	3,97	-0,78	83,58
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	3,21	0,11	-3,10	3,43
1.3	Đất trồng cây lâu năm	124,37	13,70	-110,67	11,02
1.4	Đất rừng sản xuất	114,20	0,87	-113,33	0,76
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	1,71		-1,71	
2	Đất phi nông nghiệp	5,97	1,44	-4,53	24,12
2.3	Đất phát triển hạ tầng	2,52	0,04	-2,48	1,59
	<i>Trong đó:</i>				
-	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	0,04		-0,04	
-	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	0,38	0,02	-0,36	5,26
2.4	Đất ở tại nông thôn	0,97	0,85	-0,12	87,63
2.5	Đất ở tại đô thị	1,43		-1,43	
2.6	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	0,13	0,03	-0,10	23,08
2.7	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,82	0,52	-0,30	63,41

2.1.4. Kết quả thực hiện khai thác đất chưa sử dụng vào mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp năm 2020

Kết quả thực hiện khai thác đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2020 của huyện Di Linh qua biểu sau:

Biểu 11. Kết quả thực hiện khai thác đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2020
Đơn vị tính: ha

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2020 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng, giảm (-)	Tỷ lệ (%)
A	Tổng cộng (A=1+2)		48,84	42,64	-6,20	87,31
1	Đất nông nghiệp	NNP	48,09	42,02	-6,07	87,38
1.1	Đất nông nghiệp khác	ONT	48,09	42,02	-6,07	87,38
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,75	0,62	-0,13	82,67
2.1	Đất phát triển hạ tầng	DHT	0,64	0,62	-0,02	96,88
2.3	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	0,11		-0,11	

2.2. Đánh giá những công trình, dự án đã phê duyệt nhưng quá 3 năm chưa thực hiện

Thực hiện theo quy định theo Điều 49 Luật Đất đai 2013 về việc rà soát danh mục công trình dự án đưa trong kế hoạch sử dụng đất nhưng sau 3 năm vẫn chưa

thực hiện. Đối với địa bàn huyện Di Linh theo quy định có tổng số 16 công trình quá 3 năm (thuộc vào danh mục phải rà soát lại), cụ thể:

- Công trình dự án không chuyển tiếp thực hiện trong kế hoạch 2021 (hủy bỏ không thực hiện) tổng số 03 công trình, dự án.

- Công trình sau rà soát vẫn chuyển tiếp đưa vào thực hiện trong năm 2021 có tổng số 12 danh mục công trình, trong đó:

- + Có 01 công trình, dự án có thu hồi đất tiếp tục chuyển tiếp trong năm 2021 là các công trình đã được bố trí nguồn vốn thực hiện (công trình sử dụng dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước) và 01 công trình có vốn ngoài ngân sách (chợ Hòa Bắc) chủ đầu tư đang tiến hành các thủ tục liên quan đến đất đai;

- + Có 02 công trình, dự án thuộc mục thuộc mục giao đất: các công trình này đã được xây dựng hoặc có đất để xây dựng, đưa vào kế hoạch 2021 để tiến hành các thủ tục giao đất.

- + Đối với 6 công trình đấu giá: Đưa vào kế hoạch đấu giá để lấy kinh phí xây trụ sở và đưa vào tiếp tục đấu giá khu đất đã được phân lô.

(Chi tiết danh mục công trình quá 3 năm xem biểu 1.5-CH)

2.3. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020

*** Những kết quả đạt được:**

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 trên địa bàn huyện đã đạt được những kết quả nhất định, thể hiện ở các mặt sau:

- Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai.
- Làm cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất.
- Đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

*** Những tồn tại và nguyên nhân:**

- Các công trình, dự án thực hiện năm 2020 đạt được thấp so với KHSD đất được duyệt do thiếu vốn đầu tư và thời gian thực hiện thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng diễn ra khá chậm so với kế hoạch đề ra. Một số công trình dự án đã thực hiện xong nhưng thủ tục về đất đai vẫn chưa thực hiện xong.

- Một số chỉ tiêu đất phi nông nghiệp năm 2020 thực hiện đạt thấp so với kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Lý do chủ yếu do nguồn vốn đầu tư hạn chế (gồm vốn ngân sách, vốn doanh nghiệp, vốn tự có của nhân dân) nên số công trình, dự án thực tế triển khai thực hiện được không nhiều. Ngoài ra, còn có một số nguyên nhân sau:

- + Một số công trình dự án chuẩn bị triển khai liên quan đến đất lâm nghiệp (cụ thể là đất rừng sản xuất) không thể chuyển đổi được mục đích do vướng quy định trong việc quy mới về chuyển đổi mục đích đất

- + Một số dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn huyện chậm triển khai nên chỉ tiêu sử dụng đất của huyện đạt thấp.

+ Các công trình kêu gọi đầu tư phụ thuộc rất lớn vào năng lực của các nhà đầu tư, điều kiện và môi trường đầu tư trên địa bàn nên dẫn đến sự không chủ động trong quá trình thực hiện các danh mục công trình dự án trên địa bàn huyện.

+ Số lượng lớn công trình giao đất nhưng chưa thực hiện được do vướng thiếu kinh phí lập hồ sơ giao đất.

+ Nhiều nhà đầu tư có năng lực tài chính để thực hiện các dự án kêu gọi đầu tư (*nguồn vốn ngoài ngân sách*) nhưng còn vướng mắc trong vấn đề đền bù, giải phóng mặt bằng (*do chủ đầu tư phải tự thỏa thuận bồi thường với người dân*) nên làm dự án kéo dài không thực hiện được,... nguyên nhân chính của vấn đề giải phóng mặt bằng để triển khai dự án do không thỏa thuận được giá cả đền bù (*người dân yêu cầu giá đền bù quá cao và giá đền bù giữa các dự án có vị trí tương đương nhưng chênh lệch nhau,...*)

2.4. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020

Việc triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 trên địa bàn huyện ngoài những kết quả đạt được còn có những tồn tại ảnh hưởng đến chất lượng cũng như hiệu quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện được phê duyệt còn thấp. Cụ thể những nguyên nhân sau:

- Công tác đăng ký nhu cầu sử dụng đất đưa vào KHSD đất còn nhiều bất cập, một số doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng đất chưa tiếp cận được thông tin để đăng ký, nhiều doanh nghiệp chưa chủ động tìm hiểu vai trò, tầm quan trọng của việc lập KHSD đất hàng năm nên không đăng ký, đến khi làm thủ tục triển khai dự án mới biết và yêu cầu bổ sung nên khi thực hiện công trình dự án không thực hiện được hoặc gặp nhiều vướng mắc hay đăng ký nhiều công trình nhưng không thực hiện được.

- Quá trình phê duyệt kế hoạch sử dụng đất của huyện chậm hơn so với kế hoạch nên quá trình triển khai thực hiện chậm hơn 2 tháng so với quy định.

- Thiếu vốn đầu tư, công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng ở một số dự án gặp nhiều khó khăn làm chậm tiến độ xây dựng... Chính vì vậy kết quả thực hiện đất phi nông nghiệp đạt được còn thấp so với chỉ tiêu KHSD đất được duyệt, làm ảnh hưởng không nhỏ đến chỉ tiêu kế hoạch của huyện đã đề ra.

- Thủ tục đầu tư thực hiện mất nhiều thời gian, một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng chủ đầu tư chưa làm xong thủ tục nên phải lùi tiến độ thực hiện.

- Một số nhà đầu tư sau khi được thỏa thuận địa điểm xây dựng công trình còn chậm làm các thủ tục theo quy định để Nhà nước thu hồi, giao đất, cho thuê đất xây dựng công trình, dự án dẫn đến tình trạng thời gian thực hiện công trình dự án kéo dài.

2.5. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 so với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020

Về tổng diện tích tự nhiên: Đến năm 2020 diện tích tự nhiên toàn huyện có 161.315,54 ha, thấp hơn chỉ tiêu quy hoạch được duyệt 102,47 ha do kỳ kiểm kê đất

đai năm 2019 đã tiến hành cập nhật theo ranh giới hành chính theo Quyết định 513/QĐ-TTg (phê duyệt Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính” làm cho diện tích tự nhiên của các xã, thị trấn và toàn huyện có sự thay đổi. Trong đó:

a. Nhóm đất nông nghiệp:

* Chỉ tiêu được duyệt đến năm 2020: 149.769,00 ha.

* Kết quả thực hiện đến năm 2020: 151.324,01 ha, còn lại cao hơn chỉ tiêu được duyệt 1.555,01 ha so với điều chỉnh hoạch được duyệt đến năm 2020.

* Nguyên nhân: Đất nông nghiệp cao hơn chỉ tiêu điều chỉnh hoạch được duyệt nguyên nhân chủ yếu do một số công trình dự kiến đưa vào điều chỉnh quy hoạch có chiếm dụng đất nông nghiệp nhưng chưa thực hiện nên đất nông nghiệp chưa bị thu hồi và chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp.

Trong đó:

- Đất trồng lúa: kết quả thực hiện đến năm 2020 thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 95,5 ha, đạt 96,66% so với chỉ tiêu điều chỉnh hoạch được duyệt đến năm 2020. Diện tích đất lúa trên địa bàn huyện giảm nguyên nhân chủ yếu do chuyển cơ cấu cây trồng (người dân tự chuyển đổi) từ đất lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao.

- Đất trồng cây hàng năm thực hiện cao hơn 746,92 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt, đạt 538,70 %. Nguyên nhân tăng chủ yếu chủ yếu là do người dân chuyển đổi cơ cấu từ trồng cà phê sang trồng cây hoa màu, mục đích chính là để luân canh cây trồng, thay đổi diện tích cây cà phê lâu năm đã già cỗi.

- Đất trồng cây lâu năm: kết quả thực hiện đến năm 2020 cao hơn chỉ tiêu được duyệt 10.634,76 ha, vượt 19,82% so với chỉ tiêu điều chỉnh hoạch được duyệt đến năm 2020. Nguyên nhân diện tích đất trồng cây lâu năm còn lại cao hơn so với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất được duyệt là do chưa chuyển đổi diện tích đất trồng cây lâu năm trong ranh giới quy hoạch 3 loại rừng sang đất lâm nghiệp (và kết quả rà soát thực tế theo hiện trạng sử dụng đất trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019).

- Đất rừng phòng hộ: kết quả thực hiện đến năm 2020 thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 1.347,78 ha, đạt 89,67% so với chỉ tiêu điều chỉnh hoạch được duyệt đến năm 2020. Nguyên nhân đạt thấp do phương án chuyển đổi từ khu vực đất nương rẫy có độ dốc cao đang trồng cây hàng năm và cây lâu năm sang đất rừng phòng hộ không đạt tiến độ theo kế hoạch đề ra.

+ Đất rừng sản xuất: kết quả thực hiện đến năm 2020 thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 7.613,56 ha, đạt 90,38 % so với chỉ tiêu điều chỉnh hoạch được duyệt đến năm 2020. Nguyên nhân đạt thấp do phương án chuyển đổi từ khu vực đất có độ dốc cao đang trồng cây lâu năm sang đất rừng phòng hộ không đạt tiến độ theo kế hoạch đề ra.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: kết quả thực hiện đến năm 2020 thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 172,97 ha, đạt 43,95% so với chỉ tiêu điều chỉnh hoạch được duyệt đến

năm 2020. Nguyên nhân là do trong những năm gần đây thời tiết nắng hạn thường xuyên diễn ra nên diện tích ao hồ NTTS có xu hướng giảm, việc bố trí thực hiện theo điều chỉnh quy hoạch tại các xã chưa thực hiện.

+ Đất nông nghiệp khác: kết quả thực hiện đến năm 2020 thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 600,5 ha, đạt 9,5% so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch được duyệt đến năm 2020. Nguyên nhân là do đất bố trí trong điều chỉnh quy hoạch làm trang trại tại các xã: Bảo Thuận, Gia Bắc, Liên Đàm, Tam Bố, Tân Châu, TT Di Linh...hầu hết chưa triển khai nên chỉ tiêu đạt thấp.

b. Nhóm đất phi nông nghiệp:

* Chỉ tiêu được duyệt đến năm 2020: 11.542,00 ha.

* Kết quả thực hiện đến năm 2020: 9.296,14 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 2.245,86 ha, đạt 80,54% so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch được duyệt đến năm 2020.

Cụ thể kết quả thực hiện một số loại đất chính như sau:

- Đất quốc phòng: Diện tích thực hiện đến năm 2020 đạt 384,01 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 123,99 ha, đạt 75,59% do chưa xây dựng Căn cứ HC-KT, CCHP (Ban CHQS H.Di Linh) tại Liên Đàm và Thao trường bắn, thao trường huấn luyện cấp xã (Ban CHQS huyện Di Linh) theo điều chỉnh quy hoạch được duyệt.

- Đất an ninh: Diện tích thực hiện đến năm 2020 đạt 12,11 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 10,21 ha, đạt 638,84 %. Diện tích đất an ninh tăng do thực hiện kiểm kê lại diện tích đất an ninh được giao cho Công an tỉnh theo hồ sơ địa chính (trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019).

- Đất cụm công nghiệp: Diện tích thực hiện đến năm 2020 đạt 0,0 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 51,74 ha, đạt 0,0 % do chưa đưa vào triển khai thực hiện CCN Gia Hiệp (21,74 ha) và CCN Tam Bố (30,0 ha).

- Đất thương mại dịch vụ: Diện tích thực hiện đến năm 2020 đạt 14,68 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 10,06 ha, đạt 59,69%. Nguyên nhân chủ yếu là nhiều công trình đất thương mại dịch vụ chưa triển khai thực hiện theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất được duyệt.

- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh: Diện tích thực hiện đến năm 2020 đạt 33,85 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 71,31 ha, đạt 32,19%. Nguyên nhân đạt thấp do quá trình thực hiện kiểm kê lại mục đích sử dụng theo quy định, mặt phần lớn các công trình đưa vào điều chỉnh quy hoạch đều chưa triển khai thực hiện.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Diện tích thực hiện đến năm 2020 đạt 11,71 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 89,29 ha, đạt 11,6% do chưa triển khai thực hiện các dự án Bentonit Gia Hiệp 61,9 ha và khu khai thác chì tại Gia Bắc.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đến năm 2020 có 5.384,49 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 1.509,99 ha, vượt 39,37%, Diện tích tăng nhiều chủ yếu do điều chỉnh mục đích của loại đất thủy lợi, đất công trình năng lượng với diện tích đất sông suối, mặt nước chuyên dùng; đất giao thông tăng

do thực hiện kiểm kê lại hiện trạng sử dụng đất năm 2019 theo hồ sơ địa chính đo đạc mới.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải diện tích năm 2020 có 3,30 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 28,34 ha, đạt 10,43 % do chưa thực hiện quy hoạch công trình xử lý chất thải rắn tại xã Liên Đàm và các bãi rác tại các xã.

- Đất ở nông thôn diện tích đến năm 2020 có 1.466,18 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 1.459,65 ha, đạt 50,11%. Diện tích giảm do phương pháp thực hiện kiểm kê năm 2014 chưa chính xác, trong kỳ kiểm kê năm 2019 diện tích đất ở được kiểm kê dựa trên sổ mục kê bản đồ địa chính mới được đo đạc theo dự án hoàn thiện hồ sơ địa chính và tổng hợp diện tích chuyển mục đích sang đất ở.

- Đất ở tại đô thị diện tích đến năm 2020 có 229,49 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 632,66 ha, đạt 26,62% do chưa nâng cấp đô thị Hoà Ninh thành thị trấn (chưa chuyển diện tích đất ở nông thôn sang đất ở đô thị) và chưa triển khai phát triển nhiều khu dân cư mới tại thị trấn Di Linh theo điều chỉnh quy hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan diện tích đến năm 2020 có 10,01 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 7,75 ha, đạt 56,37%. Diện tích đất trụ sở cơ quan giảm do thực hiện thống kê lại đúng loại đất trong kỳ kiểm kê năm 2019.

- Đất cơ sở tôn giáo diện tích đến năm 2020 có 47,28 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 19,06 ha, vượt 67,67%. Diện tích đất tôn giáo tăng do trong quá trình thực hiện kiểm kê đất đai 2019 các cơ sở tôn giáo chưa có quyết định giao đất và cho phép chuyển mục đích nhưng vẫn được thống kê vào đất tôn giáo.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng diện tích đến năm 2020 có 150,22 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 68,72 ha, đạt 68,61%. Diện tích đất thấp do phần lớn các công trình nghĩa trang nghĩa địa đưa vào thực hiện trong kỳ điều chỉnh chưa đưa vào triển khai thực hiện.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm diện tích đến năm 2020 có 53,26 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 0,59 ha, đạt 98,91%.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: diện tích đến năm 2020 có 1.129,67 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 524,07 ha, cao hơn 86,54%. Diện tích tăng chủ yếu do các xã trên địa bàn huyện đều được đo đạc lại bản đồ địa chính và xác định lại ranh giới khép kín của hệ thống sông suối trên địa bàn huyện.

- Đất có mặt nước chuyên dùng diện tích đến năm 2020 có 302,93 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 1.272,60 ha, đạt 19,23%. Đất có mặt nước chuyên dùng thấp do kỳ kiểm kê năm 2019 đã thực hiện chuyển đổi lại loại đất theo mục đích sử dụng theo quy định loại đất trong thống kê kiểm kê đất đai, nên diện tích đất mặt nước chuyên dùng giảm do chuyển sang đất thủy lợi và công trình năng lượng.

c. Nhóm đất chưa sử dụng:

- * Chỉ tiêu được duyệt đến năm 2020: 107,01 ha.

- * Kết quả thực hiện đến năm 2020: 695,39 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 588,37 ha. Diện tích đất chưa sử dụng cao hơn so với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch được

duyet do chua khai thac đưa vào sử dụng cho các mục đích theo điều chỉnh quy hoạch được duyệt mặt khác việc thực hiện kiểm kê xác định lại hiện trạng sử dụng đất.

PHẦN III**LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021****3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ**

Hiện nay, quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 đang triển khai các bước cần thiết để lập quy hoạch. Theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại văn bản 4744/BTNMT-TCQLDD ngày 03/9/2020 thì UBND cấp huyện tổ chức lập kế hoạch sử dụng đất 2021 trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định của pháp luật làm căn cứ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất kịp thời phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Di Linh được triển khai trên cơ sở: Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Di Linh đã được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 787/QĐ-UBND ngày 10/4/2019; kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 của huyện, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021; kế hoạch triển khai chương trình nông thôn mới, chương trình phát triển đô thị và các chương trình kế hoạch khác.

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Căn cứ xác định nhu cầu sử dụng đất:

- Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện Di Linh nhiệm kỳ 2020-2025;
- Kế hoạch phát triển KTXH của tỉnh Lâm Đồng và huyện Di Linh giai đoạn 2021-2025.
- Kế hoạch đầu tư năm 2021 của huyện Di Linh.
- Kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.
- Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển đô thị năm 2021.
- Danh mục công trình, dự án đã đưa vào KHSD đất năm 2020 nhưng chưa thực hiện, tiếp tục thực hiện năm 2021.
- Diện tích đăng ký nhu cầu của tổ chức, hộ gia đình, các nhân trong năm 2021.

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Căn cứ đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện từ đó cho thấy các công trình, dự án đăng ký nhu cầu sử dụng năm 2020 chưa thực hiện và tiếp tục thực hiện năm 2021 (*phù hợp kế hoạch với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện*). Trong đó, đã loại trừ các dự án trong năm kế hoạch 2020 chưa thực hiện mà năm 2021 chưa bố trí được nguồn vốn, chưa có nhu cầu, công trình dự án thực hiện không phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

(Chi tiết danh mục công trình xem biểu 10/CH)

Trên cơ sở chỉ tiêu sử dụng đất năm 2020 chưa thực hiện hết chuyển sang năm 2021 và căn cứ nhu cầu sử dụng đất năm 2021 của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện trong năm 2021; căn cứ kế hoạch đầu tư trung hạn của huyện, tỉnh;.. để từ đó xây dựng KHSD đất năm 2021. Tuy nhiên,

do KHSD đất năm 2020 đã được tính trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất của các ngành theo các dự án đề xuất. Vì vậy, khi xây dựng KHSD đất năm 2021 thì các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2020 chuyển sang năm 2021 có chỉ tiêu phù hợp, có chỉ tiêu không phù hợp với thực tế cần phải điều chỉnh lại hoặc chỉ chuyển tiếp một phần trong diện tích chưa thực hiện được, thay đổi vị trí, quy mô so với năm kế hoạch 2020 được duyệt.

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

Qua rà soát nhu cầu đăng ký sử dụng đất năm 2021 của các đơn vị, tổ chức có nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn huyện và UBND các xã, thị trấn; các sở ban ngành;...kết hợp quá trình điều tra, khảo sát thực địa đã tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân năm 2021 trên địa bàn huyện Di Linh như sau:

Biểu 12. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân năm 2021

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Đất trồng cây lâu năm	Xã Bảo Thuận, Gung Ré	0,62
2	Đất nông nghiệp khác	TT Di Linh, Đỉnh Lạc, Tam Bô, Liên Đàm, Hòa Ninh, Gia Bắc	31,29
3	Đất quốc phòng	Xã Gia Hiệp, Liên Đàm	42,92
4	Đất an ninh	Xã Gia Hiệp, Tân Lâm	0,95
5	Đất thương mại, dịch vụ	TT Di Linh, Đỉnh Lạc, Tân Nghĩa, Hòa Ninh, Gung Ré, Liên Đàm,...	55,44
6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	TT Di Linh, Đỉnh Lạc, Tam Bô, Liên Đàm	1,08
7	Đất giao thông	Tất cả các xã, thị trấn	94,98
8	Đất thủy lợi	Xã Liên Đàm, Hòa Trung, Sơn Điền	14,03
9	Đất công trình năng lượng	TT Di Linh, Tân Thượng, Tân Châu,...	126,42
10	Đất công trình bưu chính viễn thông	Xã Tân Lâm	0,04
11	Đất cơ sở văn hóa	Thị trấn Di Linh	4,13
12	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Thị trấn Di Linh, xã Hòa Ninh,...	6,01
13	Đất cơ sở thể dục - thể thao	Xã Gung Ré	1,00
14	Đất chợ	Xã Tân Châu, Gung Ré, Hòa Nam,...	0,23
15	Đất ở nông thôn	Tất cả các xã	69,31
16	Đất ở đô thị	Thị trấn Di Linh	34,29
17	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Thị trấn Di Linh	2,11
18	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	TT Di Linh, Đỉnh Trang Thượng	0,44
19	Đất cơ sở tôn giáo	TT Di Linh, Tân Châu, Liên Đàm,...	1,64
20	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Xã Tân Châu, Bảo Thuận,...	4,30
21	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	Xã Tân Lâm, Tân Châu, Gia Hiệp,...	11,32
22	Đất sinh hoạt cộng đồng	Tất cả các xã	3,48
23	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	Thị trấn Di Linh	6,96

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở căn cứ chỉ tiêu điều chỉnh QHSD đất của huyện được duyệt đến năm 2020 và bổ sung các chỉ tiêu cần thiết phát sinh (sẽ được bổ sung vào quy hoạch 2021-2030) trên cơ sở nghiên cứu tổng hợp nhu cầu sử dụng đất nhằm đảm bảo

KHSD đất năm 2021 cơ bản phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất của huyện được duyệt và định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, khả năng về vốn, lao động, điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên... và nhu cầu về diện tích, đặc tính của đất, loại đất sử dụng, vị trí phân bố nhu cầu sử dụng đất của các ngành, cân đối các chỉ tiêu sử dụng các loại đất trong năm kế hoạch 2021 huyện Di Linh như sau:

Biểu 13. Kế hoạch sử dụng các loại đất năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Diện tích hiện trạng năm 2020	Kế hoạch năm 2021 (ha)		Cơ cấu
			Diện tích	Tăng, giảm (-)	
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (1+2+3)	161.315,54	161.315,54		100,00
1	Đất nông nghiệp	151.324,01	150.861,09	-462,93	93,52
1.1	Đất trồng lúa	2.657,00	2.652,90	-4,11	1,64
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	894,57	894,28	-0,29	0,55
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	917,18	911,78	-5,40	0,57
1.3	Đất trồng cây lâu năm	64.298,49	63.941,49	-357,01	39,64
1.4	Đất rừng phòng hộ	11.699,22	11.699,22		7,25
1.5	Đất rừng sản xuất	71.553,44	71.425,84	-127,60	44,28
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	135,63	135,52	-0,11	0,08
1.9	Đất nông nghiệp khác	63,05	94,34	31,29	0,06
2	Đất phi nông nghiệp	9.296,14	9.759,09	462,95	6,05
2.1	Đất quốc phòng	384,01	426,93	42,92	0,26
2.2	Đất an ninh	12,11	13,06	0,94	0,01
2.3	Đất cụm công nghiệp				
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	14,89	70,08	55,19	0,04
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	33,85	31,99	-1,86	0,02
2.6	Đất cho hoạt động khoáng sản	11,71	11,71		0,01
2.7	Đất phát triển hạ tầng	5.384,49	5.625,30	240,82	3,49
	Trong đó:				
-	Đất cơ sở văn hóa	5,55	9,68	4,13	0,01
-	Đất cơ sở y tế	6,67	6,48	-0,19	0,00
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	97,61	103,22	5,62	0,06
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	33,84	34,18	0,34	0,02
2.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	3,30	3,30		0,00
2.9	Đất ở tại nông thôn	1.466,18	1.533,44	67,27	0,95
2.10	Đất ở tại đô thị	229,49	260,61	31,12	0,16
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	10,01	11,06	1,05	0,01
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	11,25	11,55	0,30	0,01
2.13	Đất cơ sở tôn giáo	47,28	48,92	1,64	0,03
2.14	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	150,22	154,37	4,15	0,10
2.15	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	53,26	64,58	11,32	0,04
2.16	Đất sinh hoạt cộng đồng	16,81	20,01	3,20	0,01

STT	Chỉ tiêu	Diện tích hiện trạng năm 2020	Kế hoạch năm 2021 (ha)		Cơ cấu
			Diện tích	Tăng, giảm (-)	
2.17	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	4,27	10,58	6,31	0,01
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	2,98	2,98		0,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.129,67	1.129,32	-0,35	0,70
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	302,93	301,86	-1,07	0,19
3	Đất chưa sử dụng	695,39	695,37	-0,02	0,43
4	Đất đô thị*	2.501,55	2.501,55		1,55

Ghi chú: - Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã, thị trấn xem biểu 06/CH.

- * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.

Phân tích nguyên nhân tăng, giảm diện tích các loại đất trong năm kế hoạch 2021:

Diện tích đất tự nhiên toàn huyện năm kế hoạch 2021 có 161.315,54 ha, giữ nguyên diện tích so với hiện trạng năm 2020.

3.3.1. Đất nông nghiệp

- Diện tích hiện trạng năm 2020 có 151.324,01 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 150.858,47 ha, giảm 465,55 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 150.861,09 ha, giảm 462,93 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang đất nông nghiệp 2,62 ha.

Diện tích đất nông nghiệp tập trung nhiều ở các xã Tam Bó, Bảo Thuận, Gia Bắc, Sơn Điền,...

Trong đó:

a. Đất trồng lúa

- Diện tích năm 2020 có 2.657,00 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2.652,90 ha; giảm 4,11 ha; do chuyển sang đất phi nông nghiệp 3,42 ha; chuyển sang nội bộ các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp 0,69 ha (*chuyển sang đất trồng cây lâu năm*). Diện tích đất trồng lúa giảm đi chủ yếu ở TT Di Linh, xã Đinh Lạc, Tam Bó, Gung Ré và Tân Nghĩa do phát triển đô thị và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội.

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 2.652,90 ha, giảm 4,11 ha so với hiện trạng năm 2020.

Ngoài những khu vực đất trồng lúa nước bắt buộc phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật: giao thông, thủy lợi, phát triển đô thị,... những vùng đất trồng lúa nước còn lại đều được giữ để bảo đảm an ninh lương thực.

*** Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước**

- Diện tích năm 2020 có 894,57 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 894,28 ha; giảm 0,29 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

Diện tích giảm do đưa vào kế hoạch thực hiện năm 2021 có chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước gồm: Xây dựng đường vành đai phía Đông thị trấn Di Linh (đi qua xã Đinh Lạc và Gung Ré) và Thủy điện Đồng Nai 1,...

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 894,28 ha, giảm 0,29 ha so với năm 2020. Không bố trí mở rộng đất chuyên trồng lúa nước.

b. Đất trồng cây hàng năm khác

- Diện tích năm 2020 có 917,18 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 911,78 ha; giảm 5,40 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp (*Đất thương mại, dịch vụ 0,42ha; đất giao thông 1,12 ha; đất năng lượng 0,07 ha; đất ở nông thôn 0,72 ha; đất ở đô thị 1,04 ha, đất sản xuất vật liệu xây dựng 0,8 ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng 1,23 ha*).

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 911,78 ha, giảm 5,4 ha so với hiện trạng năm 2020.

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác phân bố nhiều ở các xã Gia Hiệp, Liên Đàm, Tam Bố, Hòa Bắc,...

c. Đất trồng cây lâu năm

- Diện tích năm 2020 có 64.298,49 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 63.940,87 ha, giảm 357,63 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp (*trong đó chủ yếu là bố trí đất mở rộng các tuyến đường giao thông; hệ thống thủy lợi; đất thương mại dịch vụ; đất sản xuất kinh doanh và các khu dân cư (chi tiết xem biểu số 12) và chuyển sang nội bộ đất nông nghiệp (đất nông nghiệp khác) 28,6 ha*).

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang đất trồng cây lâu năm 0,62 ha từ đất trồng lúa (xã Bảo Thuận, Gung Ré và Tam Bố).

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 63.942,97 ha, giảm 357,01 ha so với hiện trạng năm 2020.

Diện tích đất trồng cây lâu năm phân bố đều khắp toàn huyện, trong đó tập trung nhiều ở các xã Liên Đàm, Tân Lâm, Đinh Trang Hòa, Tân Thượng ...

d. Đất rừng phòng hộ

- Diện tích năm 2020 có 11.699,22 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 11.699,22 ha, không tăng giảm so với hiện trạng 2020 (giữ nguyên hiện trạng).

Đất rừng phòng hộ phân bố chủ yếu tập trung ở 3 xã Đinh Trang Thượng, Hòa Bắc và xã Sơn Điền.

e. Đất rừng sản xuất

- Diện tích năm 2020 có 71.553,44 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 71.425,84 ha; giảm 127,60 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp (đất quốc phòng 41,53 ha; đất giao thông 6,05 ha; đất năng lượng 78,0 ha; đất thể thao 1,0 ha, Đất bãi thải, xử lý chất thải 21,4 ha; đất trụ sở 0,04 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng 0,26ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,72 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 71.425,84 ha, giảm 127,60 ha so với hiện trạng năm 2020.

Đất rừng sản xuất phân bố chủ yếu ở xã Tam Bó, Bảo Thuận, Gia Bắc...(chi tiết các xã xem biểu số 06/CH).

f. Đất nuôi trồng thủy sản

- Diện tích năm 2020 có 135,63 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 135,56 ha, giảm 0,11 ha, do chuyển sang đất phi nông nghiệp tại xã Liên Đàm, Hòa Trung (Đất giao thông 0,01 ha; đất thủy lợi 0,06 ha, đất ở nông thôn 0,04 ha). (chi tiết xem biểu số 12/CH)

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 135,52 ha, giảm 0,11 ha so với hiện trạng năm 2020. Trong năm 2021 không bố trí mở rộng đất nuôi trồng thủy sản.

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản phân bố ở các xã: Đình Trang Hòa, Liên Đàm, Gung Ré, Hòa Trung (chi tiết các xã xem biểu số 06/CH).

g. Đất nông nghiệp khác

- Diện tích năm 2020 có 63,05 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 63,05 ha (giữ nguyên diện tích hiện trạng).

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất nông nghiệp khác: 31,29 ha. Do triển khai thực hiện một số dự án, cụ thể gồm:

+ Dự án Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, bảo tồn giống cây trồng và phát triển vùng cây dược liệu của Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Trung Thái (thuộc tổ dân phố 20);

+ Quy hoạch nông nghiệp Công nghệ cao - Du lịch Canh nông;

+ Giao đất bổ sung cho Công ty TNHH-MTV Bò sữa Việt Nam

+ Thu hồi đất Công ty Cổ phần Chăn nuôi (Khu dân cư kết hợp đầu tư dự án sản xuất nông nghiệp công nghệ cao kết hợp du lịch canh nông) tại xã Đình Lạc;...

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 94,34 ha, tăng 31,29 ha so với hiện trạng năm 2020.

3.3.2. Đất phi nông nghiệp

- Diện tích hiện trạng năm 2020 có 9.296,14 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 9.293,52 ha, giảm 2,62 ha. Diện tích giảm do chuyển sang đất nông nghiệp khác (lấy từ đất

giao thông 0,28 ha; đất cơ sở sản xuất kinh doanh 1,09 ha; đất ở nông thôn 0,08; đất mặt nước chuyên dùng 1,17 ha).

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất phi nông nghiệp 465,57 ha; chuyển từ đất chưa sử dụng sang 0,02 ha, từ đất nông nghiệp sang 465,55 ha (*từ đất trồng lúa 3,42 ha, từ đất trồng cây hàng năm 5,4 ha, đất trồng cây lâu năm 329,03 ha, từ đất rừng sản xuất 127,6 ha, từ đất nuôi trồng thủy sản 0,11 ha*).

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 9.759,09 ha, tăng 462,95 ha so với hiện trạng năm 2020.

- Diện tích đất phi nông nghiệp mở rộng thêm tập trung chủ yếu ở thị trấn Di Linh, các xã Hòa Ninh, Đinh Trang Hòa, Tam Bố, Hòa Trung, Gung Ré,...

Trong đó:

a. Đất quốc phòng

- Diện tích đất năm 2020 có 384,01 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 384,01 ha, tăng 42,92 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất quốc phòng 42,92 ha: chuyển đất trồng cây lâu năm 1,39 ha, từ đất rừng sản xuất 41,53 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 426,93 ha, tăng 42,92 ha so với hiện trạng năm 2020.

Trong năm kế hoạch 2021 xây dựng các công trình quốc phòng sau:

+ Trường bắn thao trường huấn luyện quân sự 2,42 ha (xã Gia Hiệp).

+ Quỹ đất quốc phòng tại khu vực xã Liên Đàm 26,70 ha và 62,30 ha đất rừng sản xuất giao cho quốc phòng quản lý.

+ Giao đất xây dựng thao trường bắn, thao trường huấn luyện quân sự của huyện 13,8 ha (xã Gung Ré).

- Diện tích đất quốc phòng tập trung chủ yếu ở các xã Liên Đàm, Gung Ré,... (*chi tiết xem biểu 06/CH*).

b. Đất an ninh

- Diện tích năm 2020 có 12,11 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 12,11 ha (giữ nguyên diện tích hiện trạng).

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất an ninh 0,94 ha từ đất trồng cây lâu năm 0,32 ha, đất trụ sở cơ quan 0,21 ha, đất y tế 0,05 ha, đất cơ sở giáo dục 0,07 ha, đất chợ 0,1 ha và đất nghĩa trang nghĩa địa 0,1 ha để bố trí thực hiện công trình đất an ninh năm 2021, cụ thể:

+ Đồn công an cụm công nghiệp (xã Gia Hiệp) diện tích 0,15;

+ Xây dựng nhà làm việc công an Xã Bảo Thuận, Gung Ré, Xã Tân Châu, Hòa Trung, Đinh Trang Hòa, Hòa Nam, Hòa Bắc, Tam Bố, Liên Đàm, Đinh Trang Thượng, Đinh Lạc, Tân Nghĩa, Sơn Điền, Tân Lâm. (*đối với nhà làm việc công an*

của các xã đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2021 chưa phù hợp với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2021, do đó đề xuất đưa vào và bổ sung vào quy hoạch giai đoạn 2021-2030).

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 13,06 ha, tăng 0,94 ha so với năm 2020.
- Diện tích đất an ninh tập trung chủ yếu ở thị trấn Di Linh (*chi tiết xem biểu 06/CH*).

c. Đất thương mại, dịch vụ

- Diện tích hiện trạng năm 2020 có 14,89 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 14,64 ha, giảm 0,25 ha do chuyển sang đất ở nông thôn.
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất thương mại, dịch vụ: 55,44 ha; chuyển từ đất nông nghiệp sang 50,13 ha (*đất trồng cây hàng năm 0,42 ha, đất trồng cây lâu năm 49,71 ha*), diện tích còn lại từ nội bộ đất phi nông nghiệp sang 5,31 ha. Diện tích mở rộng thêm tập trung ở các xã, thị trấn như: TT Di Linh, Tân Nghĩa, Đinh Lạc, Tân Lâm, Hòa Ninh, Gung Ré, Liên Đàm...
- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 70,08 ha, tăng 55,44 ha so với hiện trạng năm 2020.
- Công trình đưa vào thực hiện năm kế hoạch 2021 bao gồm:

S T T	Hạng mục	Địa điểm (cấp xã)	Diện tích (ha)
1	Dự án Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, bảo tồn giống cây trồng và phát triển vùng cây dược liệu của Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Trung Thái (thuộc tổ dân phố 20)	TT Di Linh	20,89
2	Chuyển mục đích sử dụng đất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	TT Di Linh	0,14
3	Bảo hiểm xã hội huyện (trụ sở làm việc cũ)	TT Di Linh	0,07
4	Trụ sở Trung tâm Nông nghiệp (Trụ sở làm việc cũ)	TT Di Linh	0,04
5	Đấu giá khu đất theo Quyết định 1200/QĐ-UBND ngày 21/6/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng (Khu đất Công ty Thái Nguyên cũ)	TT Di Linh	1,94
6	Khu đất Thương mại dịch vụ (giáp cây xăng V&R và phía sau sau trạm công an)	TT Di Linh	0,42
7	Lô đất thương mại - dịch vụ (Trung tâm văn hóa huyện)	TT Di Linh	0,16
8	Đấu giá khu đất phân hiệu trường Tiểu học Trần Quốc Toản	TT Di Linh	0,09
9	Đất Trụ sở Đài Truyền thanh- Truyền hình (Trụ sở làm việc cũ)	TT Di Linh	0,33
10	Đất Hạt Kiểm lâm Di Linh (trụ sở làm việc cũ)	TT Di Linh	0,16
11	Khu dân cư Tân Châu thuộc cụm CN Tân Châu cũ (Quỹ đất hoàn trả cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng chuyên giao (giai đoạn 1)	TT Di Linh	0,90
12	Trung tâm văn hóa (giai đoạn 2) - Đầu tư xây dựng các hạng mục theo Quy hoạch	TT Di Linh	0,82
13	Dự án Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, bảo tồn giống cây trồng và phát triển vùng cây dược liệu của Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Trung Thái (thuộc tổ dân phố 20)	TT Di Linh	5,48
14	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thuê đất	TT Di Linh	0,15

S T T	Hạng mục	Địa điểm (cấp xã)	Diện tích (ha)
15	Khu đất thương mại dịch vụ thôn Đồng Lạc 3 xã Đinh Lạc	Xã Đinh Lạc	0,10
16	Quy hoạch nông nghiệp Công nghệ cao - Du lịch Canh nông tại xã Đinh Lạc	Xã Đinh Lạc	2,05
17	Chuyển mục đích của Công ty TNHH Dương Đông Tây Nguyên	Đinh Trang Hòa	0,11
18	Chuyển mục đích sử dụng đất của Khu du lịch thác Bobla	Xã Liên Đàm	3,00
19	Khu du lịch sinh thái thác Liliang (thác cầu 4)	Xã Gung Ré	12,00
20	Lô đất thuộc Khu quy hoạch dân cư thôn Đăng Rách, xã Gung Ré (GD 2) - Lô TMDV	Xã Gung Ré	0,32
21	30 Lô đất thuộc Khu quy hoạch dân cư thôn 12 xã Hòa Ninh (GD 2) TMDV	Xã Hòa Ninh	0,07
22	Khu dân cư hòa Ninh (Công ty trà Kinh Lộ)	Xã Hòa Ninh	6,17
23	Cửa hàng xăng dầu tại xã Tân Lâm	Xã Tân Lâm	0,10
24	Cửa hàng xăng dầu tại xã Gung Ré (Cửa hàng xăng dầu Kim Thương)	xã Gung Ré	0,07
25	Dự án KDL thác Bobbla (mở rộng giai đoạn 2)	Xã Liên Đàm	32,0

(Chi tiết danh mục các công trình, dự án xem biểu 10/CH).

Đất thương mại, dịch vụ tập trung ở TT Di Linh, xã Gung Ré, Hòa Ninh... (chi tiết xem biểu 06/CH)

d. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

- Diện tích hiện trạng năm 2020 có 33,85 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 30,91 ha, giảm 2,94 ha, do chuyển sang các loại đất: đất nông nghiệp khác 1,09 ha, đất thương mại dịch vụ 1,76 ha và đất ở nông thôn 0,09 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,08 ha; đất trồng cây lâu năm 0,32 ha, đất giao thông 0,11 ha và Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,65 ha. (Chi tiết xem biểu 12/CH)

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 31,99 ha, giảm 1,86 ha so với hiện trạng năm 2020.

Công trình mở rộng và xây dựng mới năm kế hoạch 2021, gồm:

STT	Hạng mục	Địa điểm (cấp xã)	Diện tích (ha)
1	Giao 01 lô đất Khu quy hoạch dân cư Nhà máy chè 2/9 thị trấn Di Linh (Trung tâm GDNN-GDTX huyện Di Linh)	Thị trấn Di Linh	0,76
2	Trạm xử lý công ty cấp nước Di Linh	Thị trấn Di Linh	0,17
3	Chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm (đất Công ty cổ phần Trung Phong) sang đất phi nông nghiệp	Xã Đinh Lạc	0,10
4	Nhà máy chế biến rau hoa quả thực phẩm - Công ty TNHH chế biến thực phẩm hàng Ngày Đà Lạt	Xã Đinh Lạc	0,05

Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tập trung ở xã Tam Bó, Đinh Lạc, TT Di Linh,... (chi tiết xem biểu 06/CH)

e. Đất cho hoạt động khoáng sản

- Diện tích năm 2020 có 11,71 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 11,71 ha (giữ nguyên diện tích hiện trạng).
- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 11,71 ha (giữ nguyên hiện trạng). Trong năm 2021 không bố trí thực hiện công trình có đất hoạt động khoáng sản.
- Đất cho hoạt động khoáng sản phân bố ở xã Tân Châu và Tân Nghĩa.

f. Đất phát triển hạ tầng

- Diện tích hiện trạng năm 2020 có 5.384,49 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 5.380,21 ha, giảm 4,28 ha do chuyển sang các loại đất: đất nông nghiệp khác 0,28 ha; còn lại chuyển sang nội bộ đất phi nông nghiệp.
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang 245,09 ha, do chuyển từ đất chưa sử dụng sang 0,02 ha, từ đất nông nghiệp sang 240,53 ha và diện tích tăng còn lại từ nội bộ các loại đất phi nông nghiệp.
- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 5.625,30 ha, tăng 240,82 ha so với năm 2020. Cụ thể các loại đất như sau:

Diện tích đất phát triển hạ tầng năm 2021 gồm có:**f.1. Đất cơ sở văn hoá**

- Diện tích năm 2020 có 5,55 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 5,55 ha, không tăng giảm so với hiện trạng.
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất văn hóa 4,13 ha, được lấy từ đất trồng cây lâu năm 3,99 ha; trụ sở công trình sự nghiệp (Đài truyền hình, truyền thanh huyện) 0,14 ha. Để triển khai các công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 gồm:
 - + Trung tâm văn hóa (giai đoạn 2) - Đầu tư xây dựng các hạng mục theo Quy hoạch diện tích 2,01 ha (thị trấn Di Linh).
 - + Thu hồi đất triển khai quy hoạch phân khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ và sản xuất tổng hợp thuộc tổ dân phố 20 TT Di Linh diện tích 1,98 ha.
 - + Nhà văn hóa thị trấn Di Linh 0,14 ha.

- Diện tích năm kế hoạch 2021: 9,68 ha, tăng 4,13 ha so với hiện trạng 2020.
Đất cơ sở văn hóa tập trung chủ yếu ở khu vực trung tâm huyện tại TT Di Linh và xã Đình Trang Hòa (chi tiết xem biểu 06/CH).

f.2. Đất cơ sở y tế

- Diện tích năm 2020 có 6,67 ha.
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng 6,48 ha, giảm 0,19 ha do chuyển sang đất an ninh, đất sinh hoạt cộng đồng.

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 6,48 ha, giảm 0,19 ha so với năm 2020.
- Đất cơ sở y tế phân bố ở tất cả các xã, thị trấn (*chi tiết xem biểu 06/CH*).

f.3. Đất cơ sở giáo dục đào tạo

- Diện tích hiện trạng năm 2020 có 97,61 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 97,21 ha; giảm 0,4 ha do chuyển sang đất an ninh 0,07 ha; đất thương mại dịch vụ 0,09 ha, đất giao thông 0,01 ha và đất sinh hoạt cộng đồng 0,23 ha.
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất giáo dục đào tạo: 6,01 ha từ các loại đất: từ đất trồng cây lâu năm 5,94 ha, từ đất giao thông 0,06 ha, và đất ở nông thôn 0,01 ha.

Các công trình giáo dục nâng cấp, mở rộng và làm mới trong năm kế hoạch 2021 (*chi tiết các danh mục công trình xem biểu 10/CH*):

STT	Hạng mục	Địa điểm (cấp xã)	Diện tích (ha)
1	Đất giáo dục trong Trung tâm văn hóa (giai đoạn 2) - Đầu tư xây dựng các hạng mục theo Quy hoạch	Thị trấn Di Linh	1,41
2	Mở rộng Trường THPT Nguyễn Huệ	Xã Tân Lâm	0,68
3	Trường mầm non Gia Hiệp	Xã Gia Hiệp	0,60
4	Trường trung học cơ sở Tam Bó	Xã Tam Bó	1,28
5	Đất giáo dục trong khu dân cư hòa Ninh (Công ty trà Kinh Lộ)	Xã Hòa Ninh	2,02
6	Trường mầm non Hòa Nam (giao bổ sung)	Xã Hòa Nam	0,02

Ngoài ra, để hoàn thành các thủ tục đất đai, tiếp tục đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2021 kế hoạch giao đất cho 1 số cơ sở giáo dục như: trường mầm non Gia Bắc, trường THCS Gia Bắc, trường mẫu giáo Tân Châu (phân hiệu chính), trường mẫu giáo Gung Ré (3 điểm trường), trường tiểu học Lam Sơn (TT Di Linh), trường mẫu giáo Măng Non (TT Di Linh), trường tiểu học Tân Lạc (xã Đình Lạc), trường tiểu học Hòa Trung, mẫu giáo Hòa Trung,...

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 103,22 ha, tăng 5,62 ha so với năm 2020.
- Đất cơ sở giáo dục đào tạo phân bố ở tất cả các xã, thị trấn; tập trung chủ yếu ở các TT Di Linh và xã Hòa Ninh (*chi tiết xem biểu 06/CH*).

f.4. Đất cơ sở thể dục thể thao

- Diện tích hiện trạng năm 2020 có 33,84 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 33,18 ha, giảm 0,66 ha do chuyển sang đất an ninh 0,1 ha, đất thương mại dịch vụ 0,16 ha; đất giao thông 0,2 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,2 ha.
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất cơ sở thể dục thể thao: 1,0 ha từ đất rừng sản xuất để bố trí thực hiện công trình thể dục thể thao trong năm 2021, cụ thể:

+ Sân thể thao thôn Hàng Hải (xã Gung Ré) diện tích 1,0 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 34,18 ha, tăng 0,34 ha so với hiện trạng năm 2020.

- Đất cơ sở thể dục thể thao phân bố ở hầu hết các xã, thị trấn, trong đó tập trung nhiều tại TT Di Linh, xã Đình Lạc (*chi tiết xem biểu 06/CH*).

f.5. Đất giao thông

- Diện tích hiện trạng năm 2020 có 1.657,77 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 1.653,13 ha, giảm 4,64 ha, do chuyển sang các loại đất: đất nông nghiệp khác 0,28 ha; đất thương mại dịch vụ 1,4 ha; đất cơ sở sản xuất kinh doanh 0,11 ha; trong nội bộ đất cơ sở hạ tầng 1,5 ha; đất ở 0,8 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng 0,07 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,05 ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,43 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất giao thông: 94,98 ha, trong đó; chuyển từ đất chưa sử dụng sang 0,02 ha, từ đất nông nghiệp sang 90,47 ha và từ đất nội bộ đất phi nông nghiệp sang 4,49 ha.

- Tổng diện tích đất giao thông toàn huyện năm 2021 có 1.748,11 ha; tăng 90,34 ha so với năm 2020 (*Chi tiết xem biểu 12/CH*).

Các công trình giao thông chính nâng cấp, mở rộng và làm mới trong năm kế hoạch 2021 (*chi tiết xem biểu 10/CH*):

- + Nâng cấp, mở rộng tuyến QL 28 qua thị trấn Di Linh;
- + Đường nội thị thị trấn Di Linh (giai đoạn 2);
- + Đường quy hoạch nội thị xã Hòa Ninh;
- + Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Đình Trang Hòa - Hòa Trung - Hòa Bắc;
- + Nâng cấp đường liên xã Hòa Ninh - Hòa Bắc và xây dựng 02 tuyến đường đối nội thuộc khu quy hoạch Hòa Ninh;
- + Đường nội thị thị trấn Di Linh (Đường Mọ Cọ, Ka Đen, Trần Phú) chuyển tiếp thực hiện 1 phần;
- + Đường Tiên Cô - Ko Mát - Hồ Sek Lào;
- + Đường giao thông thôn 2 xã Tân Châu đi thôn 3 xã Tân Thượng;
- + Đường vành đai phía Đông thị trấn Di Linh;
- + Đường từ Hòa Ninh đi thôn 6 Đình Trang Hòa;
- +

(*Chi tiết các danh mục công trình giao thông năm 2021 xem biểu 10/CH*)

f.6. Đất thủy lợi

- Diện tích năm 2020 có 664,88 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 664,84 ha, giảm 0,04 ha, do chuyển sang đất giao thông.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất thủy lợi: 14,03 ha; chuyển

từ đất nông nghiệp sang 13,9 ha, diện tích còn lại chuyển từ nội bộ đất phi nông nghiệp sang 0,29 ha. Các công trình triển khai trong năm 2021 gồm có:

+ Hồ chứa nước thôn 9 xã Hòa Trung: 25,0 ha;

+ Kênh mương hồ thôn 9 Hòa Trung: 0,25 ha

Tổng diện tích đất thủy lợi năm 2021 có 678,87 ha, tăng 13,99 ha so với năm 2020. (Chi tiết xem biểu 12/CH).

f.7. Đất công trình năng lượng

- Diện tích năm 2020 có 2.892,76 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2.892,76 ha (giữ nguyên diện tích hiện trạng).

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất công trình năng lượng: 126,42 ha (chuyển từ đất nông nghiệp sang 125,08 ha, từ đất phi nông nghiệp 1,34 ha). Năm 2021 dự kiến đưa vào thực hiện các công trình sau:

STT	Hạng mục	Địa điểm (cấp xã)	Diện tích (ha)
1	Đất năng lượng trong Dự án Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, bảo tồn giống cây trồng và phát triển vùng cây dược liệu của Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Trung Thái (thuộc tổ dân phố 20)	Thị trấn Di Linh	2,60
2	Phần đất trên mực nước dâng bình thường hồ thủy điện Đồng Nai 3 (không có đường đi hoặc đường đi lại khó khăn)	Đình Trang Thượng	91,5
3	Thủy điện Đồng Nai I	Xã Gia Hiệp	21,33
		Xã Tam Bó	10,33
4	Đường dây 110kV đấu nối nhà máy thủy điện Tân Thượng vào lưới điện quốc gia - Dự án nhà máy thủy điện Tân Thượng	Xã Tân Lâm	0,66
		Xã Tân Thượng	
		Xã Tân Châu	
		Xã Liên Đàm	

- Tổng diện tích đất công trình năng lượng toàn huyện năm 2021 có 3.019,18 ha; tăng 126,42 ha so với năm 2020 (chi tiết xem biểu 12/CH).

f.8. Đất bưu chính viễn thông

- Diện tích hiện trạng năm 2020 có 1,63 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất bưu chính viễn thông: 1,63 ha (giữ nguyên diện tích hiện trạng).

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất bưu chính viễn thông: 0,04 ha, để bố trí đất thực hiện công trình bưu điện văn hóa xã Tân Lâm 0,04 ha.

- Diện tích năm kế hoạch 2021: 1,67 ha, tăng 0,04 ha so với hiện trạng 2020.

f.9. Đất chợ

- Diện tích năm 2020 có 3,67 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 3,57 ha; (giữ nguyên diện tích hiện trạng).

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất chợ: 0,23 ha; chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,15 ha, từ nội bộ đất phi nông nghiệp sang 0,08 ha.

- Tổng diện tích đất chợ năm 2021 có 3,80 ha; tăng 0,13 ha so với hiện trạng năm 2020.

Các chợ nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới trong năm kế hoạch 2021:

+ *Giao đất Chợ Hoà Nam (Xã Hoà Nam) diện tích 0,35 ha;*

+ *Chợ xã Hoà Bắc (Xã Hoà Bắc) diện tích 0,41 ha.*

Đất chợ phân bố tập trung ở thị trấn Di Linh (*chi tiết xem biểu 06/CH*).

g. Đất bãi thải, xử lý chất thải

- Diện tích hiện trạng năm 2020 có 3,30 ha.

- - Diện tích kế hoạch năm 2021 có 3,30 ha (giữ nguyên so với hiện trạng). Trong năm 2021 không bố trí công trình bãi xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện.

Đất bãi thải, xử lý chất thải tập trung tại xã Gung Ré,...(*chi tiết xem biểu 06/CH*).

h. Đất ở tại nông thôn

- Diện tích năm 2020 có 1.466,18 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 1.464,16 ha, giảm 2,04 ha do chuyển sang đất nông nghiệp khác 0,08 ha; đất thương mại dịch vụ 0,14 ha; đất giao thông 1,6 ha; đất thủy lợi 0,11 ha; đất giáo dục 0,01 ha; đất cơ sở tôn giáo 0,02 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,08 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất ở tại nông thôn: 69,31 ha, do chuyển từ đất nông nghiệp sang 68,64 ha, diện tích tăng còn lại 0,67 từ nội bộ đất phi nông nghiệp sang. (*xem biểu 12/CH*).

Diện tích đất ở tăng lớn do ngoài các khu đưa vào phân lô, đấu giá quyền sử dụng đất, các khu dân cư kêu gọi đầu tư, là diện tích xin chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân sang đất ở (*kèm theo phụ lục đăng ký kèm theo*).

- Tổng diện tích đất ở tại nông thôn năm 2021 có 1.533,44 ha; tăng 67,29 ha so với năm 2020; phân bố ở tất cả các xã (*chi tiết xem biểu 06/CH*).

Chuyển mục đích sử dụng từ đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, đất NTTS sang đất ở xen kẽ trong khu dân cư hiện hữu tại các khu vực đã được quy hoạch đất ở, phù hợp quy hoạch chi tiết xây dựng và có đầy đủ cơ sở hạ tầng kèm theo.

(*Chi tiết danh mục khu dân cư mới, đấu giá quyền sử dụng đất xem biểu 10.3/CH*).

i. Đất ở tại đô thị

- Đất ở tại đô thị hiện trạng năm 2020: 229,49 ha.

- Diện tích đất ở đô thị không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng:

226,32 ha; giảm 3,17 ha do chuyển sang các loại đất khác: Đất thương mại dịch vụ 0,95 ha; đất giao thông 2,22 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất ở tại đô thị: 34,29 ha; chuyển từ đất nông nghiệp sang 33,79 ha, diện tích tăng còn lại chuyển từ nội bộ đất phi nông nghiệp sang 0,5 ha.

Trong năm kế hoạch 2021 tập thực hiện chủ trương chỉnh trang khép kín các dân cư, khu đô thị trên địa bàn thực hiện một số công trình dự án sau:

STT	Hạng mục	Địa điểm (cấp xã)	Diện tích (ha)
1	Đầu tư xây dựng khu dân cư tổ dân phố 15, thị trấn Di Linh	TT Di Linh	1,88
2	Khu dân cư đôi Thanh Danh giai đoạn 2	TT Di Linh	4,50
3	Khu dân cư Tân Châu thuộc cụm CN Tân Châu cũ (Quỹ đất hoàn trả cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng chuyển giao (giai đoạn 1)	TT Di Linh	4,72
4	Khu dân cư đô thị xanh kết hợp du lịch canh nông thuộc tổ dân phố 3 và tổ dân phố 4, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh	TT Di Linh	12,98
5	Khu dân cư tổ dân phố 16 và 17, thị trấn Di Linh	TT Di Linh	2,28
6	Đất tổ thu thuế chợ cũ Di Linh	TT Di Linh	0,01

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 260,61 ha, tăng 31,12 ha so với năm 2020. Đất ở tại đô thị tập trung tại thị trấn Di Linh.

- Diện tích đất ở tại đô thị mở rộng theo các dự án quy hoạch chi tiết xây dựng chỉnh trang đô thị tại thị trấn Di Linh; bố trí khép kín và mở rộng các khu dân cư đô thị,...*Việc chuyển mục đích sử dụng từ đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, đất NTTS sang đất ở xen kẽ trong khu dân cư hiện hữu tại các khu vực đã được quy hoạch đất ở, phù hợp quy hoạch chi tiết xây dựng và có đầy đủ cơ sở hạ tầng kèm theo.*

(Chi tiết danh mục đầu giá quyền sử dụng đất xem biểu 10.3/CH)

k. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

- Diện tích đất năm 2020 có 10,01 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 8,95 ha, giảm 1,06 ha so với năm 2020. Do chuyển sang đất an ninh 0,21 ha, đất thương mại dịch vụ 0,78 ha; đất bưu chính viễn thông 0,04 ha; đất ở nông thôn 0,02 ha, đất ở đô thị 0,01 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan 2,11 ha từ đất trồng cây lâu năm *(chi tiết xem biểu 12/CH)*.

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 11,06 ha, tăng 1,05 ha so với năm 2020. Trong năm 2021 đưa vào kế hoạch thực hiện các công trình sau:

+ Mở rộng trụ sở UBND xã Đinh Lạc diện tích 0,04 ha;

+ Đất xây dựng trụ sở các cơ quan của huyện diện tích 2,07 ha.

- Diện tích đất trụ sở cơ quan tập trung nhiều ở thị trấn Di Linh. *(chi tiết xem*

biểu 06/CH).

l. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

- Diện tích đất năm 2020 có 11,25 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 11,11 ha, giảm 0,14 ha do chuyển sang đất văn hóa (xây dựng nhà văn hóa thị trấn Di Linh).
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,44 ha; từ đất trồng cây lâu năm 0,4 ha; đất rừng sản xuất 0,04 ha.

Trong năm kế hoạch 2021 thực hiện cho các công trình, cụ thể:

- + Trụ sở của hạt kiểm lâm (Phòng cháy chữa cháy cũ) – TT Di Linh 0,4 ha;
- + Giao đất trạm bảo vệ rừng số 1 (Đình Trang Thượng) diện tích 0,02 ha;
- + Giao đất trạm vệ rừng số 2 (Đình Trang Thượng) diện tích 0,02 ha;
- + Xây dựng trụ sở làm việc Ban QLR Tân Thượng 0,31 ha;
- + Giao đất cho trạm kiểm lâm địa bàn Đình Trang Thượng 0,08 ha;
- + Đất chi cục quản lý đường bộ IV.1 diện tích 0,15 ha;
- + Giao đất cho trung tâm chính trị (Tiếp nhận từ 1 phần của nhà khách huyện) 0,06 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 11,55 ha, tăng 0,3 ha so với năm 2020.

- Diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp phân bố ở tất cả các xã Gung Ré, Tân Châu và TT Di Linh. (chi tiết xem biểu 06/CH).

m. Đất cơ sở tôn giáo

- Diện tích năm 2020 có 47,28 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 47,28 ha (giữ nguyên hiện hiện trạng).
- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 48,92 ha, tăng 1,64 ha so với năm 2020 (chuyển sang từ đất trồng cây lâu năm 1,62 ha và đất ở tại nông thôn 0,02 ha).

Trong năm kế hoạch 2021 thực hiện cho các công trình, cụ thể:

- + Hội thánh Tin Lành chi hội B'Su Ja tại xã Tân Thượng: 0,11 ha;
- + Chùa Linh Quang tại xã Tân Châu: 0,20 ha;
- + Chi hội Kòn The tại xã Tân Châu: 0,20 ha;
- + Tịnh Thất An Hỷ tại xã Đình Lạc: 0,14 ha;
- + Chi hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) N'Jàn KWệt tại xã Đình Trang Hòa: 0,08 ha;
- + Hội Thánh truyền giáo cao đài - Cơ sở đạo Liên Châu tại xã Liên Đàm: 0,04 ha;
- + Chi hội Hàng Làng Gung Ré tại xã Gung Ré: 0,06 ha;
- + Nhà nguyện thôn 5 tại xã Hòa Trung: 0,54 ha;

- + *Hội thánh Tin Lành chi hội Di Linh (Thị trấn Di Linh) 0,15 ha;*
- + *Chùa Thanh Sơn (Thị trấn Di Linh) 0,12 ha.*
- + *Đưa vào kế hoạch giao đất theo hiện trạng không thu tiền sử dụng đất cho Giáo xứ Di Linh (thị trấn Di Linh) 0,87 ha.*

- Diện tích đất cơ sở tôn giáo phân bố ở 17/19 các xã, thị trấn. (*chi tiết xem biểu 06/CH*).

n. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa

- Diện tích năm 2020 có 150,22 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 150,07 ha; giảm 0,15 ha, do chuyển sang các loại đất: đất an ninh và đất sinh hoạt (*chi tiết xem biểu 12/CH*).
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất nghĩa trang nghĩa địa: 4,3 ha (chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang).

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 154,37 ha, tăng 4,15 ha so với năm 2020. Trong năm 2021 thực hiện các công trình sau:

- + *Nghĩa địa tập trung xã Tân Châu: 2,00 ha;*
- + *Nghĩa địa xã Bảo Thuận: 2,30 ha.*
- + *Giao đất theo hiện trạng nghĩa địa thôn 3 tại xã Đình Trang Hòa: 0,6 ha;*
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa tập trung ở tất cả các xã và thị trấn.

o. Đất sản xuất vật liệu xây dựng

- Diện tích năm 2020 có 53,26 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 53,26 ha (giữ nguyên diện tích hiện trạng).
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất sản xuất vật liệu xây dựng: 11,32 ha; đất trồng cây hàng năm 0,8 ha; đất trồng cây lâu năm 10,19 ha; đất rừng sản xuất 0,26 ha, diện tích tăng còn lại 0,07 từ nội bộ đất phi nông nghiệp sang.

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 64,58 ha, tăng 11,32 ha so với năm 2020. Trong năm kế hoạch 2021 đưa vào thực hiện các công trình sau:

STT	Hạng mục	Địa điểm (cấp xã)	Diện tích (ha)
1	Thăm dò đá làm vật liệu xây dựng thông thường (Cty TNHH VIPOKA)	Xã Tân Châu	1,85
2	Bãi tập kết cát, sỏi Công ty TNHH Song Sinh	Xã Tân Nghĩa	0,20

Đất sản xuất vật liệu xây dựng tập trung ở các xã Gia Hiệp, Tam Bồ,... (*chi tiết xem biểu 06/CH*).

p. Đất sinh hoạt cộng đồng

- Diện tích đất năm 2020 có 16,81 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 16,72 ha giảm 0,09 ha do chuyển sang đất giao thông 0,09 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất sinh hoạt cộng đồng: 3,29 ha, từ đất nông nghiệp sang 2,54 ha và từ nội bộ đất phi nông nghiệp sang 0,75 ha.

Trong năm kế hoạch 2021 đưa vào kế hoạch giao đất, xây dựng mới (đối với các thôn chưa có nhà văn hóa (đã xác định được vị trí, nguồn vốn thực hiện) và mở rộng các nhà văn hóa thôn, tổ dân phố của tất cả các thôn của tất cả các xã, thị trấn (19/19) trên địa bàn huyện đã được xây dựng nhưng chưa được giao đất. Trong kế hoạch sử dụng đất 2021 tiếp tục đưa các công trình đất sinh hoạt cộng đồng chưa hoàn thành thủ tục đất đai vào kế hoạch xin giao đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Chi tiết danh mục các công trình dự án xem biểu 10/CH).

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 20,01 ha, tăng 3,29 ha so với năm 2020.

- Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng phân bố ở tất cả các xã, thị trấn.

q. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

- Diện tích đất năm 2020 có 4,27 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 3,62 ha giảm 0,65 ha so với hiện trạng năm 2020. Diện tích giảm do chuyển sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh (Giao 01 lô đất Khu quy hoạch dân cư Nhà máy chè 2/9 thị trấn Di Linh (Xây dựng trung tâm GDNN-GDTX huyện Di Linh)).

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang khu vui chơi, giải trí công cộng 6,96 từ đất trồng cây hàng năm 1,23 ha và từ đất trồng cây lâu năm 6,54 ha. Để thực hiện các công trình trong năm 2021, gồm:

STT	Hạng mục	Địa điểm (cấp xã)	Diện tích (ha)
1	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng trong khu dân cư đời Thanh Danh giai đoạn 2	Thị trấn Di Linh	0,78
2	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng trong KDC Tân Châu thuộc cụm CN Tân Châu cũ (Quỹ đất hoàn trả cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng chuyển giao (giai đoạn 1)	Thị trấn Di Linh	0,42
3	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng trong khu đất Thương mại dịch vụ (giáp cây xăng V&R và phía sau sau trạm công an)	Thị trấn Di Linh	0,03
4	Quy hoạch nông nghiệp Công nghệ cao - Du lịch Canh nông tại xã Đinh Lạc	Xã Đinh Lạc	1,64
5	Khu dân cư hòa Ninh (Công ty trà Kinh Lộ)	Xã Hòa Ninh	3,66
6	Đất công viên trong KDC thuộc một phần Quy hoạch phân khu KDC kết hợp thương mại dịch vụ và sản xuất tổng hợp thuộc tổ dân phố 20, thị trấn Di Linh	Thị trấn Di Linh	0,42
7	Giao đất xây dựng bến xe Di Linh (cũ) để xây dựng công viên giải trí	Thị trấn Di Linh	0,43

- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 10,58 ha, tăng 6,31 ha với năm 2020.

- Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng tập trung nhiều ở Thị trấn Di Linh, xã Đinh Lạc và xã Hòa Ninh. *(Chi tiết xem biểu 06/CH)*

r. Đất cơ sở tín ngưỡng

- Diện tích năm 2020 có 2,98 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 2,98 ha, giữ nguyên so với năm 2020.

Trong năm 2021 đưa vào kế hoạch xin giao đất cho đình Tam Bó (xã Tam Bó) diện tích 0,15 ha.

- Đất cơ sở tín ngưỡng phân bố ở thị trấn Di Linh, các xã Tân Châu, Tân Nghĩa, Đinh Lạc và Đinh Trang Hòa. *(Chi tiết xem biểu 06/CH)*

u. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

- Diện tích hiện trạng năm 2020 có 1.129,67 ha.
- Tổng diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch suối toàn huyện năm 2021 có 1.129,32 ha, giảm 0,35 ha, do chuyển sang: đất thương mại dịch vụ 0,03 ha; đất giao thông 0,32 ha.

Đất sông, ngòi, suối phân bố ở các xã, thị trấn, ... (chi tiết xem biểu 06/CH).

v. Đất có mặt nước chuyên dùng

- Diện tích năm 2020 có 302,93 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 301,86 ha, giảm 1,18 ha do chuyển sang đất nông nghiệp khác 1,17 ha; đất giao thông 0,01 ha.

Đất mặt nước chuyên dùng phân bố ở tất cả các xã và thị trấn Di Linh (trừ xã Sơn Điền) (chi tiết xem biểu 06/CH).

3.3.3. Đất chưa sử dụng

- Diện tích hiện trạng năm 2020 còn 695,39 ha.
- Diện tích đất chưa sử dụng còn lại năm 2021: 695,37 ha, giảm 0,02 ha so với năm 2020 do chuyển sang đất giao thông.
- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng tại xã Gia Hiệp. *(chi tiết xem biểu 09/CH).*

3.3.4. Đất đô thị (bằng tổng diện tích tự nhiên thị trấn Di Linh theo ranh giới hành chính):

- Diện tích năm 2020 có 2.501,55 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2021 có 2.501,55 ha, không thay đổi so với năm 2020.

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích năm 2021

Để thực hiện được các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng thì ngoài khai thác quỹ đất chưa sử dụng, phải lấy thêm từ các loại đất đang sử dụng. Năm 2021 sẽ chuyển 465,29 ha đất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp mà phải xin

phép 0,62 ha và đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở 0,67 ha, chi tiết như sau:

Biểu 14. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	465,29
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	3,42
	<i>Tr. đó: đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>0,29</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	5,40
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	330,55
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	125,82
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,11
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp, phi nông nghiệp		
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	0,62
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,67

Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã xem biểu số 07/CH.

3.5. Diện tích đất cần thu hồi đất năm 2021

Ngoài diện tích giao, cho thuê, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân,...để thực hiện các công trình, dự án thì diện tích đất cần phải thu hồi 275,93 ha, trong đó:

- Tổng diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi 269,90 ha;
- Tổng diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi 6,03 ha. Cụ thể như sau:

Biểu 15. Kế hoạch thu thu hồi đất năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	269,90
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3,27
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>0,29</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2,91
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	137,92
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	125,73
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,07
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6,03
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	
2.2	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1,72
	<i>Trong đó:</i>		

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích (ha)
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	0,01
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	0,20
2.3	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,67
2.4	Đất ở tại đô thị	ODT	2,22
2.5	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,09
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,32
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,01

Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã xem biểu số 08/CH.

3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Đề khai thác triệt để và có hiệu quả tiềm năng đất đai, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất các ngành; trong kế hoạch năm 2021 khai thác tổng số 0,02 ha (đất đồi núi chưa sử dụng); sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp cụ thể như sau:

Biểu 16. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2021

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích (ha)
A	Tổng cộng (A=1+2)		0,02
1	Đất nông nghiệp	NNP	0,0
1.1	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,0
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,02
2.1	Đất phát triển hạ tầng	DHT	0,02

Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã xem biểu 09/CH.

3.6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2021

Các công trình, dự án được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; Công trình, dự án cấp huyện do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất và các khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất thực hiện năm kế hoạch 2021 như sau: (Xem chi tiết biểu số 10/CH).

3.7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất 2021

a. Cơ sở tính toán

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất.

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thuê đất và thuê mặt nước.

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

- Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai..

- Nghị định số 79/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất

- Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất.

- Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP; Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính về bổ sung một số điều Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014; Thông tư 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP; Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính về bổ sung một số điều Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014.

+ Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng về ban hành quy định về giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

+ Quyết định 15/2020/QĐ-UBND ngày 25/03/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng về ban hành Bảng hệ số điều chỉnh giá các loại đất năm 2020 trên địa bàn huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

b. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 như sau:

- Tổng nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và đấu giá quyền sử dụng đất; các khoản thuế phí, lệ phí: 324,154 tỷ đồng.

- Tổng chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 202,266 tỷ đồng.
- Cân đối: Tổng thu dự kiến (324,154 tỷ đồng) – Tổng chi dự kiến (202,266 tỷ đồng) = 121.888 tỷ đồng (khoản thu vượt khoản chi).

Biểu 17. Dự kiến các khoản thu chi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021

STT	Hạng mục	Số lượng (ha)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (Tr.đồng)
CÂN ĐỐI THU - CHI				121.888
I	TỔNG THU			324.154
1	Thu tiền giao đất			75.009
-	Giao đất ở nông thôn	17,90	220.000	39.369
-	Giao đất ở đô thị	7,92	450.000	35.640
2	Thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất			47.506
-	Đất ở nông thôn	9,83	240.000	23.585
-	Đất trồng cây hàng năm	4,41	15.600	687
-	Đất trồng cây lâu năm	164,51	12.000	19.742
-	Đất rừng sản xuất	89,32	3.900	3.483
3	Thu tiền cho thuê đất			201.264
-	Thuê đất thương mại, dịch vụ	16,63	1.000.000	166.320
-	Thuê đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,65	1.200.000	7.776
4	Thu phí lập hồ sơ địa chính			375
II	TỔNG CHI			202.266
1	Chi bồi thường thu hồi đất			172.398
-	Thu hồi đất ở nông thôn	1,67	420.000	7.014
-	Thu hồi đất ở đô thị	2,22	2.200.000	48.840
-	Thu hồi đất trồng lúa	3,27	38.000	1.243
-	Thu hồi đất cây hàng năm	2,91	38.000	1.106
-	Thu hồi đất cây lâu năm	136,05	60.000	81.630
-	Đất rừng sản xuất	125,15	26.000	32.539
-	Thu hồi đất nuôi trồng thủy sản	0,07	38.000	27
2	Chi bồi thường hoa màu	142,23	21.000	29.868

Trên đây là dự kiến (ước) thu chi từ đất dựa trên khung giá hiện tại và các văn bản hướng dẫn hiện hành trong năm kế hoạch. Việc thu, chi thực tế sẽ phụ thuộc vào thời điểm triển khai dự án ở thời điểm nào thì trên cơ sở hướng dẫn áp dụng đơn giá, khung giá và giá cả thị trường cụ thể tại thời điểm đó cũng như cho từng dự án cụ thể.

PHẦN IV

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Phát triển hệ thống cây xanh tập trung tại các công viên hiện hữu trên địa bàn huyện và trong các khu dân cư; cây xanh phân tán dọc theo các tuyến đường.

- Ứng dụng các biện pháp canh tác tiên tiến trên vùng đất dốc như canh tác theo đường đồng mức; trồng các đai rừng chắn gió để hạn chế ảnh hưởng đến các vùng đất sản xuất nông nghiệp và khu dân cư xung quanh.

- Sử dụng đất theo khả năng thích hợp với từng mục đích sử dụng như: vùng đất dốc vừa ($8-20^{\circ}$) thì trồng cây lâu năm, vùng dốc trên 20° thì dùng cho mục đích lâm nghiệp (trồng mới rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên). Vùng đất có tưới chủ động, địa hình thấp thì trồng lúa nước và các cây trồng có nhu cầu sử dụng nước cao; vùng tưới bán chủ động thì trồng mía, trồng cỏ chăn nuôi, trồng rau màu, cây ăn quả...

- Quản lý và thực hiện đầy đủ các chính sách đối với quỹ đất trồng lúa theo Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Khuyến khích nhân dân ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, sử dụng các giống mới có năng suất cao và nhân rộng các mô hình sử dụng đất có hiệu quả trên địa bàn huyện để tăng hiệu quả sử dụng đất.

- Trong sản xuất công nghiệp – TTCN; chế biến nông, lâm sản phải áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại để hạn chế tác hại của chất thải gây ô nhiễm đất canh tác, nguồn nước và môi trường xung quanh.

- Đẩy mạnh trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc và trồng lại rừng trên đất rừng đã khai thác để tăng độ che phủ đất bảo vệ đất và môi trường sinh thái.

- Trong sản xuất nông nghiệp cần áp dụng các biện pháp canh tác luân canh, xen canh với các cây họ đậu,... đầu tư cân đối các loại phân bón, trong đó chú trọng bón các loại phân hữu cơ, phân vi sinh để cải tạo độ phì nhiêu đất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Các cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh phải có phương án xử lý chất thải để tránh ô nhiễm môi trường; cần phải thường xuyên giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử phạt các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình triển khai các dự án cụ thể về xây dựng các cụm công nghiệp, các nhà máy chế biến nông, lâm sản, các cơ sở sản xuất công nghiệp,... cần chấp hành và tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường...

4.2. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Để kế hoạch có tính khả thi cao, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng đất và hoàn thành

các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện, trong quá trình triển khai cần phải thực hiện một số giải pháp sau:

4.2.1. Các giải pháp về quản lý hành chính, chính sách

- Tăng cường việc kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất của cấp dưới, kiểm tra tình hình sử dụng đất công. Có biện pháp xử lý cụ thể đối với các trường hợp cố tình chậm triển khai thực hiện hoặc sử dụng đất sai mục đích khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

- Tiếp tục nghiên cứu cải tiến quy trình thực hiện thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hoá, hiệu quả cho các thủ tục: chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất, giao cấp đất, thẩm định các dự án sử dụng đất,...

- Công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng cần phải được thực hiện công khai, đúng trình tự theo quy định pháp luật, xác định đúng nguồn gốc chủ sử dụng, kiểm đếm chính xác, chi trả đúng đối tượng và đúng quy định của Nhà nước.

4.2.2. Giải pháp về tuyên truyền

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Di Linh tổ chức công bố công khai tại Ủy ban nhân dân huyện Di Linh, UBND các xã, thị trấn và trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên panô, lồng ghép với các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết và thực hiện đúng theo kế hoạch được duyệt.

- Tiếp tục tuyên truyền các quy định mới theo Luật Đất đai năm 2013 về công tác quy hoạch, kế hoạch về quyền lợi, trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức và hộ gia đình, cá nhân trong sử dụng đất đai để tránh tình trạng quy hoạch treo, chuyển mục đích sử dụng đất không theo quy hoạch.

4.2.3. Các giải pháp về kinh tế

- Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá (*khu đô thị mới, cụm công nghiệp, chợ, đường giao thông...*). Cần chú trọng tìm kiếm và mời gọi nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Thực hiện chính sách đổi đất (thông qua đấu giá) tạo vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng, thông qua các biện pháp: Chuyển đổi vị trí của các trụ sở cơ quan hành chính có lợi thế, tiềm năng về kinh doanh dịch vụ và thương mại, phát triển đô thị; Khai thác hiệu quả về mặt vị trí thuận lợi, về dịch vụ thương mại, công nghiệp, các khu dân cư đô thị...đối với khu vực ven trục giao thông, các trung tâm hành chính xã, thị trấn và các chợ đầu mối...

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan căn cứ vào các mục tiêu của kế hoạch tiến hành xây dựng các phương án đầu tư bằng nhiều hình thức để người dân, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư cùng thực hiện.

4.2.4. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư

** Về nguồn lực:*

- Cùng cố tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ huyện đến xã, thị trấn, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, sử

dụng đất đai; tăng cường bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực ngành Tài nguyên và Môi trường; đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ địa chính cấp xã có đủ trình độ, năng lực và đạo đức, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân;

- Xây dựng kế hoạch đào tạo tay nghề cho lực lượng lao động tại địa phương, đặc biệt là trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ và du lịch.

** Về vốn đầu tư:*

- Phân bổ hợp lý nguồn vốn ngân sách được giao để đầu tư, phát triển các công trình phúc lợi xã hội như y tế, văn hóa, giáo dục,... trên địa bàn huyện. Đồng thời, có biện pháp huy động nguồn vốn trong nhân dân (*các doanh nghiệp, tổ chức, cộng đồng dân cư, kiều bào là con em trên địa bàn*) để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng, phúc lợi, an sinh xã hội.

- Tăng cường quảng bá tiềm năng, thế mạnh, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện cũng như tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình giải phóng mặt bằng để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, dịch vụ, lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược, có đủ tiềm năng tài chính để thực hiện các công trình dự án đã được giao.

- Tiếp tục thực hiện chủ trương “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*” để thực hiện các công trình giao thông, nhất là các tuyến hẻm trong các khu dân cư, trong đó lựa chọn các hình thức thực hiện như: Nhà nước đầu tư, vận động nhân dân hiến đất; vận động doanh nghiệp đầu tư vốn, vận động nhân dân hiến đất;...

4.2.5. Giải pháp về khoa học, công nghệ

- Trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp; chế biến nông, lâm, thủy sản phải áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại để hạn chế tác hại của chất thải gây ô nhiễm đất canh tác, nguồn nước và môi trường xung quanh. Trên địa bàn huyện hiện nay có nhiều khu vực được quy hoạch cho phát triển trang trại chăn nuôi tập trung cần thường xuyên kiểm tra và hướng xử lý các vấn đề ô nhiễm liên quan đến vấn đề môi trường.

- Kiến nghị UBND Tỉnh tăng cường đầu tư ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý đất đai như hoàn thiện cơ sở dữ liệu thông tin thuộc tính về đất đai như loại đất, đối tượng sử dụng đất, giá đất theo quy định của UBND Tỉnh,...

- Kiến nghị UBND Tỉnh đầu tư trang thiết bị để thực hiện quản lý, cập nhật thông tin thửa đất theo các loại hình quy hoạch đã được duyệt, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý kế hoạch trong thời gian tới.

4.2.6. Giải pháp về tổ chức thực hiện

Sau khi phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện được xét duyệt, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cần triển khai các biện pháp tổ chức thực hiện như sau:

- Công bố công khai KHSD đất của huyện tại trụ sở UBND huyện và UBND các xã, thị trấn đồng thời công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử của Tỉnh và huyện;

- Thông báo đến nhà đầu tư, chủ sử dụng đất, các hộ gia đình, cá nhân về kế

hoạch thu hồi đất theo từng công trình, dự án dự kiến phải thu hồi.

- Tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư trong mọi lĩnh vực, lựa chọn thu hút các nhà đầu tư chiến lược có đầy đủ năng lực để tạo động lực và hình thành phát triển các dự án đem lại hiệu quả, từ đó phát huy tiềm năng của đất. Khắc phục dự án treo dẫn đến hiệu quả sử dụng thấp.

- Triển khai thực hiện quản lý đất đai và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo kế hoạch sử dụng đất của huyện đã được UBND Tỉnh phê duyệt;

- Đầu tư đồng bộ kết hợp xây dựng kết cấu hạ tầng với phát triển đô thị, ưu tiên quỹ đất cho các nhu cầu phát triển như: thương mại dịch vụ, xây dựng đô thị, khu dân cư, cơ sở hạ tầng, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sử dụng và khai thác tài nguyên đất đai theo hướng bền vững và có hiệu quả;

- Xây dựng quy chế giữa nhà đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý hạ tầng, quản lý quỹ đất dành cho công trình công cộng trong khu vực dự án... Tăng cường công tác quản lý xây dựng trên địa bàn, kiên quyết xử lý những trường hợp xây dựng không phép, trái phép, sai giấy phép và lấn chiếm đất đai bất hợp pháp;

- Có cơ chế phối hợp liên ngành trong quy hoạch về đất đai, xây dựng để tránh chồng chéo gây khó khăn khi triển khai thực hiện thực tế.

- Thường xuyên và tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật đất đai nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền lợi và nghĩa vụ của người sử dụng đất, thông qua đó tạo sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện KHSD đất.

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tăng cường công tác vận động, thuyết phục người dân thực hiện di dời để đảm bảo công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật từ đó đẩy nhanh được tiến độ thực hiện các công trình, dự án trong năm kế hoạch.

- Đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế “một cửa liên thông”, theo hướng tinh gọn, đơn giản và giảm thời gian thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi để người sử dụng đất thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Kiên quyết không giải quyết giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với tất cả các trường hợp khi không có trong kế hoạch sử dụng đất.

- Mở các lớp tập huấn, đào tạo bồi dưỡng kiến thức về pháp luật đất đai, về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho cán bộ công chức làm công tác quản lý nhà nước về đất đai của huyện và các xã thị trấn.

- Ứng dụng công nghệ của hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám để theo dõi, cập nhật quản lý các biến động đất đai, một mặt là công cụ để quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, mặt khác phát hiện kịp thời các bất cập trong quy hoạch từ đó kiến nghị điều chỉnh cho phù hợp.

PHẦN V

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Di Linh được xây dựng trên cơ sở các chỉ tiêu điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất của huyện và bổ sung các công trình dự án cần thiết để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong năm 2021 của địa phương. Dự án đã đánh giá những thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội đối với việc khai thác các nguồn tài nguyên vào phát triển sản xuất và đời sống; đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước và xác định những tồn tại để làm cơ sở lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cho các ngành để đạt được mục tiêu đề ra.

Kết quả lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã xác định được danh mục công trình, dự án có nhu cầu sử dụng đất: đất sản xuất nông nghiệp (*đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm,...*), đất lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; đất quốc phòng, an ninh, đất cụm công nghiệp, đất ở đô thị, đất phát triển hạ tầng (*đất giao thông, thủy lợi, năng lượng, đất cơ sở văn hóa, y tế, giáo dục-đào tạo, đất thể dục-thể thao,...*); xác định quỹ đất đáp ứng đủ nhu cầu phát triển của các ngành năm 2021 và xác định diện tích đất cần thu hồi, các vùng đất cần chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng đất và bảo vệ môi trường.

Việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 góp phần đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng bộ huyện đã đề ra cho giai đoạn 2020-2025.

KHSD đất năm 2021 của huyện sẽ góp phần tăng thu ngân sách qua việc bán đấu giá quyền sử dụng đất và chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực khi có bố trí đất phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch.

2. KIẾN NGHỊ

Để công tác tổ chức triển khai và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm đạt chất lượng chuyên môn cao và đi vào nề nếp đề nghị:

- Đối với các công trình phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2021 cần được bổ sung vào kỳ quy hoạch 2021-2030 của huyện.

- Công bố, công khai rộng rãi kế hoạch sử dụng đất năm 2021 được duyệt để cung cấp thông tin rộng rãi đến toàn thể nhân dân, nhằm nâng cao hiểu biết của người dân về vai trò, tầm quan trọng của việc lập KHSD đất hàng năm.

- Để việc thu hồi đất không làm ảnh hưởng lớn đến cuộc sống, tinh thần của các hộ dân đề nghị UBND tỉnh Lâm Đồng cần có chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm cho các hộ dân mất đất sản xuất.